

TỈNH ỦY QUẢNG TRỊ

Số 2272^{*}-CV/TU

V/v tổ chức lấy ý kiến cán bộ, đảng viên
và nhân dân về dự thảo Báo cáo chính trị

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
Quảng Trị, ngày 28 tháng 7 năm 2020

- Kính gửi:
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy,
 - Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh,
 - Báo Quảng Trị,
 - Công Thông tin điện tử Đảng bộ tỉnh,
 - Công Thông tin điện tử UBND tỉnh,

Thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW, ngày 30/5/2019 của Bộ Chính trị về Đại hội đảng các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Kế hoạch số 141-KH/TU, ngày 01/8/2019 của Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị 35-CT/TW; nhằm phát huy trí tuệ của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân tỉnh nhà trong tham gia góp ý xây dựng Báo cáo chính trị của BCH Đảng bộ tỉnh khóa XVI trình Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh khóa XVII, nhiệm kỳ 2020-2025, Ban Thường vụ Tỉnh ủy công bố dự thảo Báo cáo chính trị, đồng thời yêu cầu:

- Đài Phát thanh- Truyền hình tỉnh, Báo Quảng Trị, Công Thông tin điện tử Đảng bộ tỉnh, Công Thông tin điện tử UBND tỉnh đăng tải toàn văn dự thảo Báo cáo chính trị, một số nội dung cần tập trung thảo luận, góp ý vào dự thảo Báo cáo chính trị (kèm theo), đề cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và các tầng lớp nhân dân tham gia góp ý.

- Giao Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo, đài địa phương tuyên truyền, tổ chức cho nhân dân thảo luận, góp ý vào dự thảo Báo cáo chính trị; tổng hợp ý kiến và gửi về Ban Thường vụ Tỉnh ủy trước ngày 20/8/2020; đồng thời theo dõi, tổng hợp tình hình tư tưởng, dư luận xã hội xoay quanh nội dung dự thảo Báo cáo chính trị; phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức đấu tranh, phản bác các quan điểm, luận điệu sai trái, âm mưu chống phá của thế lực thù địch và các phần tử cơ hội chính trị.

Đề nghị các cơ quan nhanh chóng triển khai thực hiện.

Nơi nhận

- Như trên,
- Các đ/c UVTVTU,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/L BAN THƯỜNG VỤ
CHÍNH VĂN PHÒNG**



Lê Quang Chiến

TĂNG CƯỜNG XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH; PHÁT HUY DÂN CHỦ VÀ SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN, KHÁT VỌNG PHÁT TRIỂN, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO; HUY ĐỘNG VÀ SỬ DỤNG HIỆU QUẢ MỌI NGUỒN LỰC, ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI; GIỮ VỮNG QUỐC PHÒNG - AN NINH; PHẤN ĐÁU ĐƯA QUẢNG TRỊ TRỞ THÀNH TỈNH CÓ TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN THUỘC NHÓM TRUNG BÌNH CAO CỦA CẢ NƯỚC

(Dự thảo Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVI tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025)

Nhiệm kỳ qua, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân Quảng Trị tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI trong bối cảnh có nhiều thuận lợi: Đất nước ngày càng hội nhập sâu và toàn diện theo hướng tích cực, chủ động, tạo cơ hội mới, môi trường mới cho hợp tác phát triển; những thành tựu to lớn đã đạt được sau 30 năm lập lại tinh là tiền đề, cơ sở để tỉnh tiếp tục phát triển. Tuy nhiên, trong bối cảnh, tình hình thế giới, khu vực và cả nước có những diễn biến phức tạp, khó lường; điều kiện nguồn lực của tỉnh chưa đáp ứng với nhu cầu phát triển; thiên tai, dịch bệnh, sự cố ô nhiễm môi trường biển, nhất là đại dịch Covid-19 bùng phát từ đầu năm 2020... đã tác động trực tiếp và ảnh hưởng lớn đến quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XVI và đời sống của Nhân dân trong tỉnh.

Song, với khát vọng phát triển, quyết tâm vượt qua khó khăn, thách thức, Đảng bộ, chính quyền, quân và dân tỉnh Quảng Trị đã phát huy truyền thống cách mạng, đoàn kết, đổi mới, sáng tạo, nỗ lực phấn đấu thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, đạt được những kết quả quan trọng và toàn diện trên tất cả các lĩnh vực.

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XVI, NHIỆM KỲ 2015 - 2020

I. NHỮNG THÀNH TỰU ĐẠT ĐƯỢC

1. Về kinh tế - xã hội

1.1. Nền kinh tế đạt tốc độ tăng trưởng khá; cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, tạo nguồn lực mới cho sự phát triển

Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh bình quân 5 năm 2016 - 2020 đạt 7,16%¹, tăng 1,25 điểm % so với nhiệm kỳ trước và cao hơn bình quân chung của cả nước. Quy mô nền kinh tế gấp 1,41 lần so với năm 2015. GRDP bình quân đầu người đạt 55,4 triệu đồng/năm², gấp 1,6 lần năm 2015, bằng 79,1% của cả nước. Cơ cấu kinh tế chuyên dịch theo hướng tăng tỷ trọng khu vực phi nông nghiệp từ 74,47% năm 2015 lên 78,49% năm 2020, giảm tỷ trọng khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản từ 25,53% năm 2015 xuống còn 21,51% năm 2020³.

Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tiếp tục có nhiều chuyển biến tích cực; giá trị toàn ngành tăng bình quân 3,82%, đạt chỉ tiêu Nghị quyết XVI. Tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được triển khai đồng bộ, khai thác tốt tiềm năng, lợi thế vùng, miền, nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng trên một đơn vị diện tích. Cơ cấu sản xuất nông nghiệp chuyển dịch rõ nét theo hướng sản xuất nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, liên kết hợp tác, sản xuất nông nghiệp phát triển cả số lượng và giá trị. Sản lượng lương thực có hạt đạt 27,5 vạn tấn/năm, vượt 11% so với chỉ tiêu Nghị quyết XVI. Chăn nuôi chuyển mạnh sang hình thức trang trại, gia trại, thâm canh bán công nghiệp gắn với bảo đảm an toàn dịch bệnh và vệ sinh môi trường, liên kết theo chuỗi giá trị. Lâm nghiệp từng bước phát huy lợi thế; trồng rừng kinh tế, nhất là trồng rừng theo tiêu chuẩn quốc tế FSC phát triển mạnh, thuộc nhóm đầu cả nước; rừng tự nhiên được chú trọng bảo vệ; độ che phủ rừng năm 2020 đạt 50,1%, vượt chỉ tiêu Nghị quyết XVI. Kinh tế biển được chú trọng phát triển. Thủy sản phát triển cả về nuôi trồng, đánh bắt và dịch vụ hậu cần nghề cá. Năng lực và hiệu quả đánh bắt trung và xa bờ ngày càng tăng. Tổng sản lượng thủy hải sản tăng bình quân hàng năm 1,07%. Các cơ sở thu mua, chế biến thủy sản, dịch vụ kho cảng phát triển mạnh; hình thành 2 trung tâm nghề cá là Cửa Việt và Cửa Tùng.

Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới được triển khai đồng bộ, quyết liệt. Đã chú trọng huy động, lồng ghép các nguồn lực để thực hiện các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu phục vụ phát triển sản xuất, nâng cao đời sống người dân. Diện mạo nông thôn có nhiều thay đổi, đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân không ngừng được cải thiện. Toàn tỉnh có 57/101 xã đạt chuẩn nông thôn mới, đạt tỷ lệ 56,4%, vượt chỉ tiêu Nghị quyết XVI (40 - 50%)⁴, cao hơn mức bình quân chung của cả nước; xếp thứ 36/63 tỉnh, thành phố về kết quả xây dựng nông thôn mới; toàn tỉnh có 3 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu⁵ và 01 huyện đạt chuẩn nông thôn mới⁶ (là tỉnh đầu tiên và duy nhất hiện nay trong 3 tỉnh Bình Trị Thiên có huyện nông thôn mới).

Sản xuất công nghiệp - xây dựng tăng trưởng khá. Tốc độ tăng trưởng bình quân 5 năm 2016 - 2020 đạt 11,42%, vượt chỉ tiêu Nghị quyết XVI. Trong đó, đã

chú trọng phát triển các ngành công nghiệp có thể mạnh như: dệt may, chế biến gỗ, chế biến thủy sản, năng lượng, nhất là năng lượng tái tạo. Đã có nhiều dự án về công nghiệp năng lượng, nhất là năng lượng tái tạo được đầu tư với tổng công suất phát điện lên đến 377MW, tăng gấp 3,7 lần so với đầu nhiệm kỳ⁷; nhiều dự án đang chuẩn bị triển khai hoặc được bổ sung vào quy hoạch, mở ra triển vọng đưa tỉnh Quảng Trị trở thành trung tâm năng lượng của miền Trung. Các chỉ tiêu thuộc lĩnh vực xây dựng đều đạt và vượt kế hoạch đề ra⁸.

Thương mại - du lịch - dịch vụ phát triển nhanh, một số ngành có tốc độ phát triển cao hơn chỉ tiêu Nghị quyết XVI. Hạ tầng thương mại, chất lượng dịch vụ từng bước phát triển theo hướng chuyên nghiệp, hiệu quả; tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tăng bình quân hàng năm 10,07%; thương mại điện tử có xu hướng phát triển mạnh. Từng bước xây dựng và phát triển các sản phẩm du lịch; mở được tuyến du lịch ra đảo Cồn Cỏ, làm cơ sở kết nối tam giác du lịch Cửa Việt - Cửa Tùng - Cồn Cỏ. Hoạt động kinh doanh vận tải thuận lợi, tốc độ tăng trưởng khá. Các dịch vụ như tài chính, ngân hàng, công nghệ thông tin, bưu chính viễn thông phát triển nhanh.

Công tác quản lý, điều hành ngân sách có nhiều đổi mới, chặt chẽ, đúng quy định. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh 5 năm 2016 - 2020 đạt 14.105 tỷ đồng, thu nội địa bình quân hàng năm tăng 13,63%, chưa đạt chỉ tiêu Nghị quyết XVI⁹. Trong cơ cấu thu nội địa, thu tiền sử dụng đất chiếm tỷ trọng khoảng 25%. Tổng kim ngạch xuất - nhập khẩu giai đoạn 2016 - 2020 đạt 460 triệu USD, đạt chỉ tiêu Nghị quyết XVI. Hệ thống ngân hàng trên địa bàn tỉnh đã thực hiện kịp thời, hiệu quả các chương trình tín dụng của Chính phủ và Ngân hàng Trung ương, nhất là hỗ trợ doanh nghiệp và phát triển sản xuất, kinh doanh, góp phần phát triển kinh tế - xã hội.

1.2. Môi trường đầu tư, kinh doanh tiếp tục được cải thiện, thu hút đầu tư đạt kết quả quan trọng; cộng đồng các doanh nghiệp từng bước vượt khó; đổi mới, sắp xếp doanh nghiệp Nhà nước thực hiện theo lộ trình; kinh tế tập thể có sự chuyển biến tích cực. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội có bước phát triển khá

Công tác xúc tiến đầu tư, tạo môi trường đầu tư được tăng cường và chú trọng giải quyết khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp. Môi trường đầu tư được cải thiện đáng kể; chỉ số PCI của tỉnh tuy chưa đạt chỉ tiêu Nghị quyết XVI nhưng đã tăng điểm qua từng năm (từ 57,32 điểm năm 2015 lên 63,84 điểm năm 2019, được xếp trong nhóm Khá của cả nước); chỉ số PAPI và chỉ số cải cách hành chính luôn thuộc nhóm đầu của cả nước.

Huy động các nguồn vốn đầu tư được đẩy mạnh theo hướng xã hội hội hóa; chú trọng thực hiện các hình thức đầu tư theo phương châm Nhà nước và Nhân dân cùng làm, tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, phát triển sản

xuất, kinh doanh. Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội thực hiện đạt 73.423 tỷ đồng, mặc dù chưa đạt chỉ tiêu Nghị quyết XVI (100.000 tỷ đồng) nhưng đã tăng 1,55 lần so với giai đoạn 2011 - 2015. Số dự án được cấp phép đầu tư tăng gấp 2,2 lần và tổng vốn đăng ký đầu tư tăng gấp 4,46 lần so với nhiệm kỳ trước.

Phát triển doanh nghiệp được quan tâm. Tỉnh đã lựa chọn chủ đề năm 2018 là “Năm Doanh nghiệp”, ban hành nhiều cơ chế, chính sách, đề ra giải pháp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa; định kỳ tổ chức đối thoại với các doanh nghiệp; rút ngắn thời gian hoàn thành các thủ tục đối với doanh nghiệp¹⁰. Số lượng doanh nghiệp được thành lập mới tăng qua các năm, đến năm 2020, tổng số doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn tỉnh gần 4.000 doanh nghiệp, với tổng vốn đăng ký đạt 44.827,6 tỷ đồng; giải quyết việc làm cho khoảng hơn 44.000 lao động. Công tác cổ phần hóa, tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước được thực hiện đúng lộ trình. Các doanh nghiệp nhà nước sau khi thực hiện cổ phần hóa đã phát huy hiệu quả, một số doanh nghiệp đạt tốc độ tăng trưởng cao.

*Khu vực kinh tế tập thể có sự chuyển biến tích cực*¹¹. Các hợp tác xã đã chuyển đổi hoạt động theo quy định của Luật Hợp tác xã 2012 và tiếp tục phát triển đa dạng, hình thành được nhiều dịch vụ, ngành nghề mới theo hướng liên doanh, liên kết trong sản xuất, tiêu thụ hàng hóa; loại hình tổ hợp tác tăng đáng kể, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế ở nhiều địa phương trên địa bàn tỉnh.

Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tiếp tục được đầu tư nâng cấp và xây dựng mới. Một số hạng mục công trình giao thông quan trọng kết nối Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị với Hành lang kinh tế Đông Tây, Khu kinh tế - thương mại Lao Bảo, tam giác du lịch biển Cửa Việt - Cửa Tùng - Cồn Cỏ đã được bổ sung vào quy hoạch và đang từng bước triển khai thực hiện. Hạ tầng giao thông được chú trọng đầu tư, tạo sự liên kết vùng, miền và khu vực. Hệ thống đường bộ trên địa bàn nhiệm kỳ qua tăng thêm 1.605,87km; tổng vốn đầu tư cho lĩnh vực giao thông đạt trên 6.623 tỷ đồng. Nhiều công trình giao thông quan trọng đã được cải tạo, nâng cấp hoặc đầu tư xây dựng mới¹². Các tuyến xe buýt được mở đến tất cả các huyện, thành, thị. Xây dựng và phát triển một số khu đô thị mới, hệ thống hạ tầng đô thị thiết yếu từng bước hoàn thiện, nhiều công trình hạ tầng xã hội được xây dựng¹³. Hạ tầng điện được phát triển rộng khắp. Hạ tầng cấp, thoát nước được đầu tư bằng nhiều nguồn vốn đảm bảo cấp nước cho thành phố Đông Hà, thị xã Quảng Trị, các thị trấn huyện lỵ và một số xã. Hạ tầng bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin được quan tâm đầu tư, cơ bản đáp ứng nhu cầu phát triển. Hạ tầng truyền dẫn sóng phát thanh, truyền hình được mở rộng. Kết cấu hạ tầng kỹ thuật tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp từng bước được hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu thu hút đầu tư và triển khai thực hiện các dự án.

Hệ thống hạ tầng thủy lợi được đầu tư, nâng cấp cơ bản đồng bộ; hệ thống đê điều đầu tư khép kín với nhiều công trình trọng điểm, đảm bảo chủ động tưới, tiêu, phục vụ sản xuất¹⁴; hệ thống kè sông, kè biển được tập trung đầu tư tại các vị trí sạt lở cấp bách, nguy hiểm, góp phần chủ động phòng, chống thiên tai, ổn định đời sống dân cư, cải thiện cảnh quan đô thị và nông thôn vùng ven sông, ven biển.

1.3. Quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường ngày càng chặt chẽ, hiệu quả

Tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình hành động số 52-CTHĐ/TU, ngày 13/12/2012 của Tỉnh ủy về định hướng khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Ban hành nhiều giải pháp để tăng cường công tác quản lý tài nguyên, khoáng sản, kiểm tra, rà soát việc chấp hành pháp luật tài nguyên và môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản. Hoàn thiện điều tra cơ bản, đánh giá và xây dựng cơ sở dữ liệu về tài nguyên, môi trường. Thực hiện nghiêm túc quy định của nhà nước về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng, tạo quỹ đất, tăng thu ngân sách từ quỹ đất.

Công tác quản lý, bảo vệ môi trường được tăng cường. Việc bảo vệ rừng đầu nguồn, bảo vệ môi trường nguồn nước được chú trọng¹⁵. Thực hiện tốt chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ các hệ sinh thái ven biển, rừng ngập mặn, bảo vệ nguồn lợi thủy, hải sản và từng bước xây dựng Khu bảo tồn biển đảo Côn Cỏ. Triển khai thực hiện có hiệu quả các dự án về bảo vệ và phát triển bền vững hệ sinh thái¹⁶. Các hoạt động bảo vệ môi trường ở các khu đô thị, khu, cụm công nghiệp và làng nghề được quan tâm. Các chỉ tiêu về môi trường được hoàn thành theo kế hoạch đề ra¹⁷.

1.4. Lĩnh vực văn hóa - xã hội có nhiều chuyển biến tích cực; các vấn đề xã hội được chú trọng thực hiện, đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân được nâng lên

Sự nghiệp giáo dục - đào tạo tiếp tục phát triển theo hướng đổi mới gắn với nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Mạng lưới trường lớp được quy hoạch, sắp xếp lại phù hợp¹⁸; giáo dục ngoài công lập ngày càng phát triển¹⁹. Duy trì vững chắc kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở và xóa mù chữ. Chất lượng giáo dục đại trà được duy trì ổn định; chất lượng giáo dục mũi nhọn có bước phát triển khởi sắc, nhiều học sinh đạt giải cao tại các cuộc thi học sinh giỏi quốc gia, khu vực và quốc tế²⁰.

Các chương trình, đề án đào tạo nghề cho người lao động được thực hiện theo hướng nâng cao chất lượng, gắn với nhu cầu thực tiễn và thị trường. Bước đầu đã có sự gắn kết giữa các cơ sở đào tạo nghề với các doanh nghiệp, nhà đầu tư trong tuyển sinh, đào tạo và tiếp nhận lao động qua đào tạo. Thực hiện kịp thời chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho các đối tượng chính sách, lao động vùng biển bị

ảnh hưởng bởi sự cố môi trường biển. Giai đoạn 2016 - 2020, đã đào tạo nghề cho 60.947 người; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 66%, đạt chỉ tiêu Nghị quyết XVI, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ đạt 31%, vượt chỉ tiêu Nghị quyết XVI.

Chất lượng chăm sóc sức khoẻ Nhân dân được nâng lên. Từng bước đầu tư hoàn thiện hệ thống các bệnh viện đa khoa và cơ sở điều trị khu vực. Hệ thống mạng lưới y tế được củng cố, 100% xã đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế, vượt chỉ tiêu Nghị quyết XVI; nguồn nhân lực ngành y tế được quan tâm phát triển²¹; trang thiết bị y tế được đầu tư, nhiều kỹ thuật mới, hiện đại về khám, chữa bệnh được triển khai ứng dụng; chất lượng khám, chữa bệnh, tinh thần thái độ phục vụ đối với bệnh nhân chuyển biến tích cực; quản lý hành nghề y dược tư nhân, thanh tra, kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm đạt một số kết quả quan trọng. Ngành Y tế tỉnh đã thể hiện tốt vai trò nòng cốt, chủ động, tích cực phối hợp với các cấp, các ngành tham gia cuộc chiến phòng, chống dịch bệnh Covid-19 bảo đảm phản ứng nhanh, kịp thời, hành động đúng, quyết liệt, hiệu quả; không để xảy ra trường hợp nhiễm bệnh.

Công tác dân số được quan tâm thực hiện tốt. Công tác bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ, bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em có bước chuyển biến tích cực. Tỷ lệ trẻ em tử vong dưới 1 tuổi và dưới 5 tuổi thấp hơn bình quân chung của cả nước. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 95,5% năm 2020, vượt chỉ tiêu Nghị quyết XVI.

Văn hoá, thể dục, thể thao có những mặt chuyển biến tích cực. Đời sống văn hóa tinh thần của Nhân dân ngày càng được nâng cao. Nhiều giá trị văn hóa truyền thống được bảo tồn và phát huy, một số chuẩn mực văn hóa, đạo đức mới được hình thành. Tỉnh đã tổ chức thành công các sự kiện chính trị, các ngày lễ lớn, nhất là kỷ niệm 30 năm lập lại tỉnh và một số lễ hội mang nét đặc trưng riêng của Quảng Trị, để lại nhiều dấu ấn trong lòng bạn bè trong và ngoài nước²². Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" gắn với chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, trọng tâm là xây dựng gia đình, họ tộc, thôn bản, cơ quan văn hóa được đẩy mạnh²³. Phong trào thể dục thể thao quần chúng phát triển rộng khắp, đa dạng loại hình; một số vận động viên của tỉnh đạt thành tích cao tại các giải quốc gia và quốc tế. Nhiều thiết chế văn hóa, cơ sở vật chất và hoạt động thể thao được thực hiện từ nhiều nguồn lực xã hội. Công tác bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị văn hoá vật thể, phi vật thể được quan tâm.

Hoạt động báo chí, xuất bản, phát thanh, truyền hình, sáng tác văn học, nghệ thuật có bước phát triển cả về hình thức và nội dung, góp phần quan trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của tỉnh. Quy mô, chất lượng các loại hình báo chí được nâng lên. Truyền hình Quảng Trị đã phát sóng trên vệ tinh Vinasat phục vụ tốt nhu cầu của Nhân dân. Công tác quản lý nhà nước về báo chí, xuất

bản, thông tin, truyền thông được tăng cường. Việc quy hoạch mạng lưới báo chí, xuất bản của tỉnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 được thực hiện nghiêm túc, đúng định hướng của Trung ương và phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động các cơ quan, tổ chức ngày càng rộng rãi²⁴. Cổng giao tiếp dịch vụ công trực tuyến tỉnh Quảng Trị phát huy hiệu quả²⁵, kết nối với Cổng thông tin điện tử Chính phủ đã hỗ trợ thiết thực cho người dân và doanh nghiệp. Hoạt động văn học nghệ thuật có nhiều chuyển biến rõ nét với những sáng tác mới mang giá trị về tư tưởng và nghệ thuật cao, đóng góp quan trọng cho nền văn học, nghệ thuật của cả nước.

Hoạt động khoa học công nghệ có nhiều tiến bộ, đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội. Nhiều tiến bộ kỹ thuật, mô hình ứng dụng khoa học kỹ thuật được áp dụng trong sản xuất đạt kết quả cao. Hình thành các cơ sở nghiên cứu, thử nghiệm và ứng dụng các quy trình, công nghệ vào sản xuất đối với các loại cây trồng, con nuôi mới, quý, có giá trị kinh tế cao. Công tác hướng dẫn, hỗ trợ các đơn vị, địa phương xây dựng và phát triển thương hiệu được chú trọng, góp phần đưa sản phẩm của Quảng Trị đến với thị trường trong nước và thế giới. Yếu tố năng suất, chất lượng, hàm lượng khoa học và công nghệ trong sản phẩm hàng hoá ngày càng tăng.

Công tác giải quyết việc làm, giảm nghèo; chăm sóc người có công, đảm bảo an sinh xã hội, thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo đạt kết quả tích cực. Triển khai thực hiện có hiệu quả chương trình giải quyết việc làm, tạo được sự đột phá trong xuất khẩu lao động; quan tâm thực hiện các chính sách hỗ trợ ổn định đời sống, đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho Nhân dân vùng bị ảnh hưởng sự cố môi trường biển²⁶. Tạo việc làm mới giai đoạn 2016 - 2020 thực hiện được 61.712 người, vượt chỉ tiêu Nghị quyết XVI, trong đó làm việc tại địa phương khoảng 35.016 người; tỷ lệ lao động thất nghiệp ở khu vực thành thị giảm từ 3,7% xuống còn 2,7%. Công tác giảm nghèo bền vững được quan tâm chỉ đạo với các giải pháp đồng bộ, phù hợp, ưu tiên nguồn lực đầu tư có trọng tâm, trọng điểm cho huyện nghèo, xã nghèo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh đã giảm từ 15,43% xuống còn 6,43%, giảm bình quân 1,77%/năm, đạt chỉ tiêu Nghị quyết XVI. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách ưu đãi của Nhà nước đối với các gia đình chính sách, người có công với cách mạng, người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; huy động được nhiều nguồn lực để đầu tư xây dựng, nâng cấp, tôn tạo các nghĩa trang liệt sỹ, các công trình tri ân và chăm sóc người có công với cách mạng²⁷.

Các chủ trương, chính sách dân tộc được triển khai thực hiện kịp thời, hiệu quả; các chương trình, dự án, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số được chú trọng thực hiện, cơ bản đáp ứng yêu cầu

phát triển kinh tế - xã hội và đời sống của đồng bào. Quản lý nhà nước về hoạt động tôn giáo được tăng cường, tạo điều kiện cho các tổ chức tôn giáo hoạt động theo quy định của pháp luật.

1.5. Hoạt động đối ngoại ngày càng mở rộng, phát huy hiệu quả

Công tác đối ngoại được chú trọng, thực hiện đồng bộ đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại Nhân dân. Quan hệ đối ngoại, hợp tác hữu nghị giữa tỉnh với các đối tác, bạn bè quốc tế được tăng cường và mở rộng²⁸, nhất là quan hệ hữu nghị truyền thống, đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện các tỉnh của nước bạn Lào tiếp tục được giữ gìn, phát huy và đi vào chiều sâu. Lãnh đạo tỉnh và một số ban, ngành và đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh; các huyện giáp biên giới với nước bạn Lào và các cơ quan, địa phương đồng cấp của các tỉnh bạn đã duy trì tốt cơ chế hội đàm thường niên, trao đổi đoàn, trao đổi kinh nghiệm về phát triển kinh tế - xã hội, công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, góp phần duy trì và phát triển mối quan hệ hợp tác đặc biệt hữu nghị Việt Nam - Lào. Công tác đào tạo lý luận chính trị cho cán bộ hai tỉnh Salavan và Savannakhet của nước bạn Lào được duy trì và đạt nhiều kết quả quan trọng.

Tỉnh ủy ban hành và chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 05-NQ/TU, ngày 25/7/2017 về tiếp tục đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế. Tỉnh đã tổ chức thành công nhiều hội nghị xúc tiến đầu tư²⁹; tham gia nhiều sự kiện quốc tế và khu vực để mở rộng quan hệ hợp tác kinh tế đối ngoại và quảng bá, xúc tiến, vận động đầu tư; huy động được số vốn nước ngoài đăng ký thực hiện gần 7.375 tỷ đồng³⁰, tăng 1,9 lần so với giai đoạn 2011 - 2015. Các nhà tài trợ quốc tế, các tổ chức phi chính phủ nước ngoài có quan hệ hợp tác lâu năm³¹ tiếp tục hỗ trợ tình về khắc phục hậu quả bom mìn, phát triển cộng đồng, xây dựng cơ sở hạ tầng, cải thiện dịch vụ y tế... Vốn NGOs tăng 70% so với nhiệm kỳ trước; hoạt động xúc tiến FDI được tăng cường; hỗ trợ, tạo điều kiện doanh nghiệp hội nhập quốc tế.

2. Quốc phòng, an ninh được tăng cường; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo

Tổ chức thực hiện có hiệu quả các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, trọng tâm là các nghị quyết, kết luận của Bộ Chính trị về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, Chiến lược bảo vệ biên giới quốc gia, Chiến lược quốc phòng, an ninh; về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân và thế trận biên phòng toàn dân được tăng cường. Hoàn thành tốt nhiệm vụ diễn tập khu vực phòng thủ cấp tỉnh, cấp huyện, gắn với diễn tập phòng, chống phá rối an ninh, biểu tình, bạo loạn, khủng bố. Thực hiện tốt nhiệm vụ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu; chủ động diễn tập và tham gia cứu hộ, cứu nạn, phòng cháy chữa

cháy, kịp thời cùng với chính quyền, ban, ngành các cấp và Nhân dân phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh. Các tiềm lực trong khu vực phòng thủ, nhất là tiềm lực chính trị - tinh thần, thế trận lòng dân được chú trọng xây dựng. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế với quốc phòng an ninh; quốc phòng, an ninh và đối ngoại, nhất là với các tỉnh bạn Lào có chung đường biên giới.

Triển khai đồng bộ các kế hoạch, biện pháp, giải pháp đấu tranh làm thất bại âm mưu, hoạt động “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch, phản động. Tập trung chỉ đạo kịp thời quyết liệt, hiệu quả trong phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội và những vấn đề phức tạp nảy sinh về an ninh trật tự ngay từ cơ sở; bảo vệ an toàn tuyệt đối các mục tiêu và sự kiện quan trọng của tỉnh. Công tác đảm bảo an toàn giao thông, phòng chống cháy, nổ được chú trọng. Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia ngày càng được nâng cao về chất lượng và hiệu quả, phát huy được sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân, sức mạnh của hệ thống chính trị trong công tác quốc phòng - an ninh. An ninh biên giới giữ vững, không để xảy ra bất ngờ, không có “điểm nóng”; bảo vệ vững chắc chủ quyền, biên giới, biển đảo, góp phần xây dựng môi trường ổn định, an toàn để phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Tỉnh đã chú trọng kiện toàn, nâng cao chất lượng toàn diện các đơn vị làm nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu. Xây dựng lực lượng công an, quân đội vững mạnh, sẵn sàng đối phó, ngăn chặn và kịp thời đập tan mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, gây mất ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Công tác tuyển quân hàng năm đều hoàn thành chỉ tiêu, chất lượng thanh niên nhập ngũ ngày càng được nâng cao. Công tác xây dựng lực lượng thường trực, dân quân tự vệ và dự bị động viên đảm bảo yêu cầu về số lượng và chất lượng. Thực hiện tốt chủ trương của Bộ Công an đưa lực lượng Công an chính quy về đảm nhiệm các chức danh công an xã trên địa bàn, góp phần đảm bảo an ninh trật tự ở địa phương, cơ sở.

3. Xây dựng bộ máy chính quyền tinh gọn, trong sạch, vững mạnh, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện

Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ đạo tổ chức thành công cuộc bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XIV và Đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh tiếp tục được cải tiến và có nhiều đóng góp tích cực, hiệu quả vào hoạt động của Quốc hội, nhất là trong công tác xây dựng pháp luật, tham gia quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước. Phát huy vai trò, trách nhiệm của người đại biểu nhân dân, thực hiện tốt chức trách, đưa tiếng nói của cử tri Quảng Trị đến với diễn đàn Quốc hội, góp phần thực hiện có hiệu quả các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của đất nước.

HDND các cấp đã từng bước phát huy vai trò là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân. HDND tỉnh đã tích cực đổi mới phương thức hoạt động, nâng cao chất lượng kỳ họp, bảo đảm đúng quy định của pháp luật; đồng thời, kịp thời thể chế hóa các chủ trương của cấp ủy thành cơ chế, chính sách, tạo khuôn khổ, môi trường pháp lý thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội. Việc tiếp thu và giải quyết những kiến nghị của cử tri được thực hiện kịp thời.

Hoạt động của Ủy ban nhân dân các cấp có nhiều đổi mới; hiệu lực, hiệu quả quản lý được nâng lên. Công tác chỉ đạo, điều hành được thực hiện theo hướng bám sát các chủ trương, định hướng lớn, xác định các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm để chỉ đạo thực hiện; trong năm 2019, 2020 đã quyết liệt tập trung chỉ đạo cùng cả nước phòng, chống hiệu quả dịch tả lợn Châu Phi, đại dịch Covid-19, không để bùng phát lây lan ra cộng đồng; có nhiều giải pháp để khôi phục và lấy lại đà tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Tính công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình các kiến nghị, đề xuất có tiến bộ hơn. Tổ chức bộ máy từng bước được tinh gọn; đội ngũ cán bộ công chức, viên chức được cơ cấu lại theo vị trí việc làm; tinh thần trách nhiệm và đạo đức công vụ được nâng lên.

Công tác cải cách hành chính của tỉnh đã đạt được những kết quả tích cực trên các lĩnh vực: cải cách thể chế, cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, cải cách thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Chỉ số PAPI và chỉ số cải cách hành chính luôn thuộc nhóm đầu của cả nước. Thành lập và đưa Trung tâm hành chính công cấp tỉnh, Trung tâm xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch đi vào hoạt động, từng bước phát huy hiệu quả.

Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, rà soát, kiểm tra, theo dõi thi hành văn bản pháp luật được duy trì thường xuyên. Công tác hỗ trợ tư pháp được quan tâm chỉ đạo, đầu tư đúng định hướng. Hoạt động thanh tra được triển khai thực hiện theo đúng chương trình, kế hoạch; chất lượng và hiệu quả ngày càng cao. Công tác tiếp công dân, xử lý và giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo của công dân ngày càng đi vào nền nếp. Các biện pháp phòng ngừa tham nhũng được thực hiện thường xuyên, nghiêm túc, đúng quy định.

4. Vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội được phát huy

Bám sát đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội tích cực đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, nâng cao chất lượng các lĩnh vực công tác theo hướng rõ chức năng, nhiệm vụ, hướng về cơ sở. Chủ động phối hợp với chính quyền các cấp, với các tổ chức thành viên hướng hoạt động đến cộng đồng dân cư và từng hộ dân, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn; vận động, hỗ

trợ Nhân dân trong sản xuất, xóa đói giảm nghèo, hỗ trợ sinh kế, khởi nghiệp, giải quyết việc làm, tăng thu nhập, vươn lên làm giàu chính đáng, hợp pháp. Tích cực tuyên truyền, vận động, tập hợp đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân thực hiện có hiệu quả các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước³² với nhiều cách làm sáng tạo, xây dựng được nhiều mô hình mới, hiệu quả, thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia. Các hoạt động an sinh xã hội, chăm lo, hỗ trợ cho người nghèo, các gia đình chính sách, đối tượng khó khăn được đổi mới theo hướng vừa trực tiếp vận động, vừa hướng dẫn, kết nối đến các địa chỉ cụ thể cần được hỗ trợ, giúp đỡ, gắn với đẩy mạnh phong trào “*Cả nước chung tay vì người nghèo- không để ai bị bỏ lại phía sau*”.³³ Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội đã chủ động, có nhiều cách làm hay, sáng tạo trong việc tổ chức các nhóm tuyên truyền, thành lập được lực lượng nòng cốt tham gia hoạt động ở các địa bàn khu dân cư, kịp thời nắm bắt tình hình Nhân dân và dư luận xã hội, phối hợp giải quyết tốt các vấn đề nổi lên ở cơ sở³⁴.

Hoạt động giám sát, phản biện xã hội, góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền được chú trọng, góp phần phát hiện và kiến nghị các cấp ủy, chính quyền khắc phục những hạn chế, bất cập trong hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành³⁵. Công tác phát triển đoàn viên, hội viên được đẩy mạnh; đã tích cực triển khai thực hiện Đề án phát triển tổ chức đảng, đảng viên và các đoàn thể chính trị - xã hội trong doanh nghiệp ngoài nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2016 – 2020 và đạt nhiều kết quả³⁶. Các tổ chức Hội quần chúng chấp hành nghiêm túc sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, quản lý của chính quyền, hoạt động đúng pháp luật và Điều lệ Hội, bảo đảm nguyên tắc tự nguyện, tự quản, từng bước tự bảo đảm kinh phí hoạt động; ngày càng thể hiện rõ vai trò tập hợp, đoàn kết, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của hội viên và Nhân dân, nhất là những người “yếu thế” trong xã hội.

Chủ động kết nối, động viên đồng bào Quảng Trị ở nước ngoài và các tỉnh, thành phố trong nước hướng về quê hương, đóng góp xây dựng Quảng Trị ngày càng phát triển.

5. Công tác xây dựng Đảng được triển khai đồng bộ, quyết liệt, có nhiều điểm mới sáng tạo, hiệu quả, trọng tâm là tổ chức thực hiện Nghị quyết Trung ương 4, Trung ương 6 khóa XII đạt kết quả quan trọng, khẳng định rõ vai trò, nhiệm vụ then chốt của công tác xây dựng Đảng

5.1. Công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và đạo đức được tăng cường

Cấp ủy các cấp đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đổi mới và nâng cao chất lượng công tác chính trị. Các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước được quán triệt nghiêm túc và cụ thể hoá bằng các kế hoạch, chương trình

hành động thực hiện phù hợp, sát với tình hình địa phương. Kịp thời sơ kết, tổng kết thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương và của Tỉnh ủy, qua đó rút ra nhiều vấn đề để nghiên cứu lý luận, nâng cao chất lượng các quyết định lãnh đạo. Cấp ủy các cấp, nhất là người đứng đầu các cơ quan, đơn vị đã thể hiện năng lực, bản lĩnh, tinh thần quyết liệt trong chỉ đạo triển khai thực hiện nhiệm vụ, trong đó, chú trọng tháo gỡ những việc khó, phức tạp của địa phương, cơ sở, những bức xúc của Nhân dân; nêu cao tinh thần tự phê bình và phê bình, gương mẫu đi đầu trong công tác, đưa đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đi vào cuộc sống đạt được kết quả nổi bật trên các lĩnh vực.

Công tác giáo dục chính trị tư tưởng, học tập chủ nghĩa Mác-Lê Nin, tư tưởng Hồ Chí Minh được đẩy mạnh, nội dung, hình thức đa dạng, phong phú. Ban hành Đề án "*Nâng cao chất lượng học tập lý luận chính trị, nghiên cứu, quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Đảng trong cán bộ, đảng viên*" với nhiều giải pháp mới được triển khai trong toàn Đảng bộ. Chú trọng đổi mới về phương pháp học tập nghị quyết, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác giáo dục lý luận chính trị; bồi dưỡng cập nhật lý luận, kiến thức mới, nâng cao bản lĩnh chính trị, trí tuệ, sức chiến đấu của Đảng bộ và năng lực vận dụng lý luận vào thực tiễn cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý. Tích cực chỉ đạo thực hiện quy định của Đảng về kỷ luật phát ngôn, bảo vệ bí mật của Đảng và đấu tranh chống âm mưu "diễn biến hoà bình" của các thế lực thù địch. Công tác nắm bắt tình hình tư tưởng được các cấp ủy chú trọng, kịp thời xử lý những vấn đề nổi cộm, ổn định an ninh tư tưởng. Tổ chức thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 35-NQ/TW của Bộ Chính trị về "Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới".

Thiết lập và duy trì cơ chế phản hồi thông tin đối với những vấn đề mà dư luận xã hội quan tâm, góp phần chấn chỉnh những hạn chế trong điều hành quản lý, đồng thời, giữ vững ổn định tư tưởng, tâm trạng người dân trên địa bàn, hạn chế tình trạng khiếu kiện, tụ tập đông người. Công tác lãnh đạo, định hướng hoạt động của báo chí được coi trọng, chấn chỉnh kịp thời các thông tin sai lệch, góp phần định hướng tư tưởng trong xã hội. Công tác nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng bộ, lịch sử của các ngành, địa phương và công tác giáo dục truyền thống cách mạng được thực hiện tích cực.

Xây dựng Đảng về đạo đức được đề cao. Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị về "*Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*" được thực hiện đồng bộ với Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, các quy định của Đảng về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên theo phương châm chức vụ càng cao càng phải gương mẫu. Chủ động gắn việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh với

thực hiện nhiệm vụ chính trị của mỗi cán bộ, đảng viên thông qua chủ đề, chủ điểm hàng năm³⁷. Tổ chức thực hiện có chiều sâu Diễn đàn “*Vai trò của chi bộ trong việc giáo dục, quản lý cán bộ, đảng viên để ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ*”, trở thành sinh hoạt chuyên đề của các chi bộ, góp phần giúp đảng viên tự soi, tự sửa, tự phê bình và phê bình, đề ra các giải pháp khắc phục, góp phần ngăn ngừa các vi phạm. Ban hành và chỉ đạo thực hiện quyết liệt Quy định về trách nhiệm nêu gương của các đồng chí lãnh đạo chủ chốt các cấp trong tỉnh với các nội dung “7 xây, 7 chống”, giúp cán bộ, đảng viên, người đứng đầu nêu gương, rèn luyện đạo đức lối sống, đồng thời tự soi tự sửa, tự điều chỉnh hành vi. Trong nhiệm kỳ, đã triển khai thực hiện chủ trương cam kết trách nhiệm của tập thể lãnh đạo và người đứng đầu với Ban Thường vụ Tỉnh ủy và cấp ủy các cấp, với các nội dung “giao việc, đặt hàng” gắn với trách nhiệm cá nhân người đứng đầu, là điểm nhấn nổi bật, mang lại hiệu quả tích cực trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, chuyên tải thông điệp mạnh mẽ của người đứng đầu các cấp, các ngành về quyết tâm chính trị, trách nhiệm nêu gương, kỷ cương kỷ luật, nói đi đôi với làm, tác động tích cực đối với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương.

5.2. Tổ chức bộ máy hệ thống chính trị được sắp xếp tinh gọn, từng bước nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động

Việc kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ 6 khóa XII đã được tập trung lãnh đạo, chỉ đạo với quyết tâm chính trị cao, tổ chức thực hiện quyết liệt, có trọng tâm, trọng điểm, lộ trình phù hợp và cách làm sáng tạo. Đã thực hiện việc sắp xếp 33 đơn vị hành chính cấp xã³⁸, 522 thôn, bản, khu phố³⁹; sắp xếp, tổ chức lại bộ máy của cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội cấp tỉnh và các Hội quần chúng⁴⁰, các cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh⁴¹, đơn vị sự nghiệp công lập⁴² theo hướng tinh gọn bộ máy và biên chế; hợp nhất Đảng bộ Khối Các cơ quan tỉnh và Đảng bộ Khối Doanh nghiệp tỉnh. Các mục tiêu, chỉ tiêu về thí điểm hợp nhất các cơ quan, đơn vị, nhất thể hóa chức danh cơ bản theo đúng kế hoạch đề ra; việc bố trí một số chức danh không phải là người địa phương được quan tâm. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của các tổ chức trong hệ thống chính trị được rà soát, điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện phù hợp hơn, từng bước khắc phục sự trùng lặp, chồng chéo. Việc sắp xếp bộ máy hệ thống chính trị, thực hiện thí điểm một số mô hình tổ chức mới đã góp phần giảm đầu mối, giảm cấp trung gian, giảm số lượng cán bộ lãnh đạo, giảm biên chế và giảm chi thường xuyên; hiệu lực, hiệu quả hoạt động bước đầu được nâng lên⁴³. Công tác quản lý biên chế ngày càng thống nhất, đồng bộ và chặt chẽ hơn với việc quy định Ban Thường vụ Tỉnh ủy là cấp có

thẩm quyền quản lý tổ chức bộ máy, biên chế của toàn hệ thống chính trị địa phương. Việc tinh giản biên chế theo tinh thần Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị được chỉ đạo và thực hiện theo đúng lộ trình.

5.3. Công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đảng viên được chú trọng và có nhiều chuyển biến tích cực. Đã sắp xếp tổ chức đảng đồng bộ với đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị ở cơ sở, qua đó, giảm 18 tổ chức cơ sở đảng và 268 chi bộ trực thuộc; giải thể chi bộ cơ quan xã, phường, thị trấn, đưa đảng viên về sinh hoạt ở các chi bộ khu dân cư, gắn với việc phân công cấp ủy viên phụ trách tổ chức đảng, trực tiếp dự sinh hoạt chi bộ, phân công đảng viên theo dõi, phụ trách một số hộ gia đình, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức đảng ở khu dân cư, từng bước khắc phục tình trạng cán bộ, công chức xa dân. Hầu hết các cơ quan, đơn vị đã thực hiện chủ trương bí thư cấp ủy đồng thời là thủ trưởng cơ quan, đơn vị; việc thực hiện chủ trương bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch HĐND hoặc chủ tịch UBND ở cấp xã, bí thư chi bộ đồng thời là trưởng thôn, bản, khu phố hoặc trưởng ban công tác Mặt trận thôn được đẩy mạnh thực hiện.

Chất lượng sinh hoạt đảng, nhất là sinh hoạt chi bộ được nâng lên, nội dung có bước đổi mới, nhất là việc gắn với sinh hoạt dưới cờ vào thứ hai tuần đầu tiên hằng tháng, sinh hoạt diễn đàn thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII và chấm điểm từng phiên sinh hoạt chi bộ theo bộ tiêu chí, đã khắc phục tình trạng đơn điệu, hình thức, bảo đảm tính lãnh đạo, tính giáo dục, tính chiến đấu. Trong nhiệm kỳ, đã triển khai đánh giá, xếp loại đối với đảng bộ, ban thường vụ cấp ủy cấp huyện, ban cán sự đảng, đảng đoàn, tổ chức cơ sở đảng và đảng viên liên tục, đa chiều, theo tiêu chí, bằng sản phẩm cụ thể, có sự so sánh giữa các vị trí tương đương và công khai kết quả; gắn đánh giá, xếp loại cá nhân với tập thể và với kết quả thực hiện nhiệm vụ của địa phương, đơn vị... Nhờ vậy, việc đánh giá chính xác, thực chất hơn, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng, cán bộ đảng viên, xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh⁴⁴.

Việc phát triển đảng viên luôn coi trọng chất lượng, không chạy theo số lượng; chú trọng phát triển đảng viên ở các doanh nghiệp ngoài nhà nước, khu dân cư, vùng sâu, vùng xa, vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào theo tôn giáo, nhờ vậy, số lượng đảng viên kết nạp bình quân hằng năm và trong cả nhiệm kỳ đều vượt chỉ tiêu đề ra⁴⁵, khắc phục tình trạng thôn, bản chưa có đảng viên và chi bộ sinh hoạt ghép⁴⁶. Việc rà soát, sàng lọc đảng viên được tiến hành chặt chẽ và thận trọng⁴⁷, nhờ vậy, chất lượng đội ngũ đảng viên được nâng lên⁴⁸, cơ cấu đội ngũ đảng viên chuyển biến theo chiều hướng tích cực, đại đa số đảng viên giữ vững bản lĩnh chính trị, kiên định đường lối đổi mới đất nước, phát huy vai trò tiên phong gương mẫu, từng bước đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của nhiệm vụ được giao.

5.4. Công tác cán bộ có nhiều chuyển biến tích cực

Xác định xây dựng đội ngũ cán bộ là khâu then chốt của nhiệm vụ then chốt xây dựng Đảng, cấp ủy các cấp đã tập trung chỉ đạo công tác cán bộ; bổ sung, hoàn thiện, cụ thể hóa các quy định của Trung ương về công tác cán bộ gắn với việc rà soát, sửa đổi, bãi bỏ các văn bản không còn phù hợp, bảo đảm nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ. Tập trung thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XII “về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ”.

Công tác nhận xét, đánh giá cán bộ đã có sự chuyển biến tích cực, nhất là sau khi triển khai thực hiện đồng bộ Quy chế và Bộ Tiêu chí đánh giá cán bộ⁴⁹. Công tác quy hoạch cán bộ được chú trọng nâng cao chất lượng⁵⁰, có cơ cấu ngày càng hợp lý hơn, tỷ lệ cán bộ nữ, cán bộ trẻ, cán bộ người dân tộc thiểu số được nâng lên⁵¹. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được thực hiện có trọng tâm, trọng điểm; thực hiện bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho cán bộ nguồn. Công tác đề bạt, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử được thực hiện chặt chẽ theo quy trình “6 bước” thống nhất từ cấp tỉnh đến cấp huyện, nhân sự bổ nhiệm được rà soát kỹ về điều kiện, tiêu chuẩn⁵². Công tác luân chuyển cán bộ được chú trọng thực hiện⁵³. Thường xuyên củng cố, kiện toàn cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, các chức danh lãnh đạo chủ chốt các cấp. Chế độ, chính sách đối với cán bộ, đảng viên được thực hiện đầy đủ, kịp thời.

Công tác bảo vệ chính trị nội bộ được chú trọng. Việc thăm tra, xác minh, thẩm định tiêu chuẩn chính trị được tiến hành chặt chẽ, trong đó, các cấp ủy, tổ chức đảng đã coi trọng hơn việc xem xét, xử lý các vấn đề về chính trị hiện nay, nhất là những biểu hiện suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”.

5.5. Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng được tăng cường

Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng được chỉ đạo và tổ chức thực hiện nghiêm túc theo đúng quy định của Đảng. Triển khai quán triệt đầy đủ các quy định, hướng dẫn của Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát.

Cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp đã xây dựng và triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát đúng Điều lệ Đảng và quy định của Trung ương, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Số lượng, chất lượng các cuộc kiểm tra, giám sát được nâng lên đáng kể⁵⁴. Bên cạnh việc tập trung cho nhiệm vụ trọng tâm là kiểm tra tổ chức đảng, đảng viên, kể cả cấp ủy viên cùng cấp khi có dấu hiệu vi phạm, cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp đã mở rộng công tác giám sát, gắn kiểm tra, giám sát tập thể với trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền địa phương, đơn vị. UBKT các cấp cũng đã xem xét giải quyết nhiều vụ việc có nội dung, tính chất phức tạp, nổi cộm liên quan nhiều ngành, nhiều lĩnh vực; giải quyết kịp thời đơn thư tố cáo, khiếu nại; tiến hành kiểm tra khi

có dấu hiệu vi phạm (kể cả kiểm tra cách cấp) đối với tổ chức đảng, đảng viên⁵⁵, góp phần ngăn ngừa vi phạm, giữ nghiêm kỷ luật Đảng. Thực hiện quy chế phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan ngày càng đi vào nề nếp, chặt chẽ hơn, nhất là xử lý các đơn, thư khiếu nại, tố cáo liên quan đến cấp ủy viên, cán bộ thuộc diện cấp ủy quản lý. Việc chấp hành kỷ luật và việc thi hành kỷ luật trong Đảng được Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đúng phương hướng, phương châm, nguyên tắc, thẩm quyền và quy định của Đảng; chỉ đạo xử lý nghiêm minh, đúng người, đúng tội, đúng quy định đối với những cá nhân, tổ chức đảng vi phạm. Công tác phúc tra sau kiểm tra, giám sát được tăng cường. Trong xem xét, xử lý kỷ luật, các tổ chức đảng có thẩm quyền đã kết hợp chặt chẽ công tác giáo dục và tư tưởng nên hạn chế tối đa việc khiếu nại kỷ luật đảng. Thực hiện nghiêm túc việc công khai kết luận kiểm tra và xử lý vi phạm đối với tổ chức đảng, đảng viên trên các phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh, có tác dụng tích cực trong việc giáo dục cán bộ, đảng viên. Hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật Đảng đã có tác động tích cực trong xây dựng và chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên, phòng ngừa, hạn chế sai phạm của tổ chức đảng và đảng viên. Trong nhiệm kỳ, đã xem xét xử lý kỷ luật 16 tổ chức đảng, 1.355 đảng viên vi phạm kỷ luật Đảng⁵⁶; có 29 trường hợp bị phạt tù.

5.6. Công tác nội chính, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí có chuyển biến tích cực

Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và cấp ủy các cấp đã chú trọng chỉ đạo triển khai thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác nội chính, phòng chống tham nhũng.

Các cơ quan nội chính, các cơ quan tư pháp triển khai tốt chức năng, nhiệm vụ của mình, phối hợp giải quyết dứt điểm, có hiệu quả các vụ án, vụ việc nổi cộm, dư luận xã hội quan tâm; rà soát, lựa chọn các vụ án, vụ việc đưa vào diện Thường trực Tỉnh ủy theo dõi, chỉ đạo hàng năm (bình quân 06 vụ việc mỗi năm); kịp thời chỉ đạo, giải quyết những khó khăn, vướng mắc, đề xuất trong thực hiện nhiệm vụ của từng địa phương, đơn vị về công tác nội chính, phòng chống tham nhũng. Chỉ đạo rà soát đơn thư khiếu nại, tố cáo để xử lý các vụ việc tồn đọng, phức tạp. Thực hiện nghiêm túc Quy định 11-QĐ/TW, ngày 18/02/2019 của Bộ Chính trị về trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy trong việc tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những phản ánh, kiến nghị của dân.

Triển khai đồng bộ các giải pháp phòng ngừa tham nhũng, lãng phí. Kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức được thực hiện đúng quy định. Công tác kiểm tra, giám sát và rà soát các cuộc

thanh tra kinh tế - xã hội được chú trọng; việc điều tra, truy tố, xét xử các vụ án tham nhũng, vụ án kinh tế được chỉ đạo tích cực.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy và ban cán sự đảng, đảng đoàn các cơ quan tư pháp đã bám sát nội dung, yêu cầu của Trung ương và yêu cầu nhiệm vụ của địa phương để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ về cải cách tư pháp theo tinh thần Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị. Chất lượng công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án và các hoạt động hỗ trợ tư pháp từng bước được nâng cao, không có vụ án, bị can khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử không có tội; vai trò của luật sư trong các vụ án hình sự, dân sự được khẳng định, chất lượng, kỹ năng tranh tụng tại phiên tòa có nhiều chuyển biến tích cực. Công tác theo dõi thi hành pháp luật và pháp chế ngày càng đi vào nề nếp, các vụ việc khó thi hành án dần dần được tháo gỡ. Các điều kiện bảo đảm cho hoạt động của cơ quan tư pháp, hỗ trợ tư pháp được quan tâm đầu tư. Hệ thống tổ chức bộ máy, chất lượng đội ngũ cán bộ của các cơ quan điều tra, viện kiểm sát, tòa án hai cấp và các cơ quan tư pháp thường xuyên được kiện toàn, nâng cao chất lượng hoạt động.

5.7. Công tác dân vận có nhiều đổi mới, mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân được tăng cường

Các cấp ủy, tổ chức đảng đã làm tốt việc triển khai quán triệt, cụ thể hóa nghị quyết của Trung ương liên quan đến công tác dân vận; phát huy vai trò của đảng viên, cấp ủy viên, người đứng đầu trong công tác dân vận. Phương thức lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng về công tác dân vận, dân tộc, tôn giáo, thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở và công tác hội quần chúng được tăng cường và đổi mới. Đã phát động và tổ chức nhiều phong trào, cuộc vận động gắn với phong trào thi đua “Dân vận khéo”, “Học tập và làm theo tư tưởng, phong cách, đạo đức Hồ Chí Minh” thu hút đông đảo đoàn viên, hội viên và Nhân dân tham gia, tạo sự lan tỏa tích cực trong cộng đồng xã hội.

Công tác dân vận của chính quyền các cấp có bước tiến bộ rõ nét trong cụ thể hóa các quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng thành các đề án, chương trình phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội phù hợp với thực tiễn của địa phương, đảm bảo xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng hợp pháp, chính đáng của Nhân dân; lấy nhiệm vụ cải cách hành chính làm nội dung trọng tâm của công tác dân vận; từng bước thay đổi nhận thức, nâng cao trách nhiệm phục vụ Nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức. Công tác tiếp và đối thoại với dân của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền từng bước đi vào nề nếp. Thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở được các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị-xã hội quan tâm chỉ đạo, trong đó, việc thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn đã phát huy được vai trò của Nhân dân tham gia giám sát các nguồn quỹ, đầu tư cộng đồng, góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền; thực hiện quy chế dân chủ trong các

cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp đi vào nền nếp; thực hiện dân chủ trong doanh nghiệp có chuyển biến tích cực, thúc đẩy thi đua lao động sản xuất, tăng năng suất lao động.

Các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc, tôn giáo được tổ chức thực hiện tốt, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức tôn giáo, chức sắc, tín đồ hoạt động theo đúng quy định của pháp luật, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, củng cố niềm tin và mối quan hệ mật thiết giữa Nhân dân với Đảng và Nhà nước.

5.8. Phương thức lãnh đạo của cấp ủy đảng tiếp tục đổi mới

Tỉnh ủy và các cấp ủy đã chủ động xây dựng hệ thống văn bản khung, nhất là quy chế làm việc, chương trình, kế hoạch, các quy định, quy trình công tác, bảo đảm thực hiện đúng thẩm quyền lãnh đạo của cấp ủy đảng. Trong nhiệm kỳ đã ban hành 05 nghị quyết chuyên đề; 24 chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết các hội nghị Trung ương 4,5,6,7, 8, các nghị quyết chuyên đề của Bộ Chính trị và nhiều quy định, quy chế, văn bản lãnh đạo, chỉ đạo trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh, công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị.

Cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy các cấp đã bám sát quy chế làm việc, tuân thủ nguyên tắc tập trung dân chủ trong đảng; luôn phát huy vai trò của chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội cùng cấp, đồng thời bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị. Do đó, việc lãnh đạo của các cấp ủy từ tỉnh đến cơ sở cơ bản đi vào nền nếp, bài bản và có hệ thống, phát huy vai trò, trách nhiệm, tính chủ động, sáng tạo của các tổ chức trong hệ thống chính trị và người đứng đầu trong thực hiện nhiệm vụ.

Hoạt động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy luôn chú trọng đổi mới phương thức lãnh đạo, phong cách lề lối làm việc theo hướng khoa học, hiệu quả, quyết tâm và quyết liệt trên tinh thần lãnh đạo toàn diện, bao quát, có trọng tâm, trọng điểm, không bao biện làm thay nhưng không buông lỏng. Phát huy tốt vai trò lãnh đạo đối với hệ thống chính trị thông qua việc xây dựng chỉ thị, nghị quyết, các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo cụ thể, sát với yêu cầu thực tiễn. Cùng với tăng cường công tác xây dựng đảng, cấp ủy tỉnh đã tập trung lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quyết định các chủ trương về phát triển kinh tế - xã hội, phân bổ nguồn lực tài chính, khai thác, sử dụng tài nguyên; quy hoạch, kế hoạch và các dự án lớn... theo thẩm quyền; đồng thời, chỉ đạo giải quyết các vấn đề khó khăn, vướng mắc nảy sinh trong thực tiễn. Xác định chủ đề từng năm gắn với cam kết trách nhiệm người đứng đầu, trở thành việc làm thường xuyên của các cấp ủy đảng, góp phần nâng cao hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo. Trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý và

người đứng đầu các cấp được phát huy; phong cách, lề lối làm việc được đổi mới theo hướng bám sát thực tiễn, sâu sát cơ sở. Cải cách hành chính trong Đảng có tiến bộ.

ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT: Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI trong bối cảnh còn nhiều khó khăn, thách thức nhưng với quyết tâm chính trị cao, Đảng bộ, chính quyền, quân và dân toàn tỉnh đã phát huy truyền thống đoàn kết, nỗ lực phấn đấu, đạt được những kết quả quan trọng. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh năm sau cao hơn năm trước và cao hơn mức tăng bình quân của cả nước; cơ cấu ngành kinh tế chuyển dịch tích cực, đúng hướng; đã xác định được hướng đi phù hợp trong phát triển kinh tế - xã hội, biến khó khăn, bất lợi thành tiềm năng, lợi thế của địa phương. Huy động và sử dụng vốn đầu tư toàn xã hội có hiệu quả; nhiều dự án trọng điểm đã được khởi động. Văn hóa - xã hội đạt được nhiều tiến bộ; an sinh xã hội cơ bản được đảm bảo, đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân được cải thiện. Tiềm lực quốc phòng, an ninh được củng cố, tăng cường; giữ vững ổn định an ninh chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Công tác đối ngoại được đẩy mạnh, góp phần thu hút nguồn lực cho phát triển. Dân chủ xã hội chủ nghĩa và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân được phát huy. Công tác xây dựng Đảng có nhiều điểm mới sáng tạo, hiệu quả. Bộ máy chính quyền tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, thông suốt. Đảng bộ đoàn kết, sáng tạo, Nhân dân đồng thuận, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, thực hiện cơ bản đạt mục tiêu “đưa Quảng Trị đạt trình độ phát triển trung bình của cả nước”⁵⁷.

Những kết quả đạt được của nhiệm kỳ 2015 - 2020 càng khẳng định và làm nổi bật lên những thành tựu của tỉnh sau 30 năm lập lại (1989-2019). Nhìn lại sau 30 năm, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được đầu tư phát triển vượt bậc. Nền kinh tế duy trì được tốc độ tăng trưởng khá, bình quân mỗi năm đạt 7,8%; tính theo giá so sánh thì quy mô nền kinh tế năm 2019 bằng 9,5 lần năm 1989; GRDP bình quân đầu người năm 2019 bằng 6,9 lần năm 1989. Sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp đã thực sự trở thành ngành sản xuất hàng hóa quan trọng. Sản xuất công nghiệp đã đóng góp tích cực cho tăng trưởng kinh tế và thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Hoạt động thương mại - dịch vụ quy mô ngày càng tăng với sự tham gia của tất cả các thành phần kinh tế. Du lịch được xác định là ngành kinh tế mũi nhọn. Các vấn đề xã hội được tập trung giải quyết có hiệu quả; đời sống vật chất, tinh thần của người dân được nâng lên. Hạ tầng kinh tế, xã hội được quan tâm đầu tư; phát triển hài hòa giữa thành thị - nông thôn, đồng bằng - miền núi. Chính trị ổn định, quốc phòng - an ninh được tăng cường, trật tự an toàn xã hội bảo đảm. Công tác xây dựng Đảng có nhiều đổi mới, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của từng giai đoạn lịch sử. Ba mươi năm qua là chặng đường có ý nghĩa quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và phát triển, đánh dấu sự trưởng thành

về mọi mặt của Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân toàn tỉnh, cùng với những kết quả đạt được của nhiệm kỳ 2015-2020 sẽ tạo tiền đề, nền móng vững chắc cho quê hương phát triển.

Đây là thành quả quan trọng từ sự nỗ lực, phấn đấu bền bỉ của Đảng bộ, chính quyền, quân và dân tỉnh nhà, sự kế thừa và phát huy thành tựu của tỉnh trong nhiều nhiệm kỳ qua, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo, hỗ trợ, giúp đỡ sâu sát, thiết thực, kịp thời của Trung ương Đảng, Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương; sự hỗ trợ, hợp tác tích cực của các địa phương trong cả nước.

II. NHỮNG HẠN CHẾ, KHUYẾT ĐIỂM VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Những hạn chế, khuyết điểm

1.1. Kinh tế giữ được tốc độ tăng trưởng khá nhưng có một số nội dung chưa đạt chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội XVI đề ra⁵⁸. Chất lượng tăng trưởng chưa thực sự bền vững, chưa đáp ứng yêu cầu thu hẹp khoảng cách so với khu vực và cả nước; quy mô nền kinh tế còn nhỏ, sức cạnh tranh thấp. Việc triển khai thực hiện một số chương trình, đề án, lĩnh vực trọng điểm mang tính đột phá còn chậm, chưa phát huy hiệu quả đầu tư và đóng góp nhiều vào tăng trưởng của giai đoạn 2016 - 2020. Quản lý nhà nước về tài nguyên, khoáng sản, bảo vệ môi trường có những hạn chế, bất cập. Các nhiệm vụ, giải pháp về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn chưa được triển khai mạnh mẽ. Việc chuyển giao, nhân rộng các ứng dụng khoa học công nghệ chưa nhiều, nguồn lực xã hội tham gia hoạt động khoa học còn hạn chế.

1.2. Quản lý nhà nước về văn hóa, thể dục thể thao ở một số lĩnh vực chưa toàn diện; hệ thống thiết chế văn hoá, thể dục thể thao còn thiếu, nguồn lực đầu tư còn hạn chế. Kết quả giảm nghèo chưa vững chắc; các mô hình tăng thu nhập có hiệu quả chậm được nhân rộng. Chất lượng các dịch vụ y tế chưa đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của Nhân dân. Chất lượng giáo dục giữa các vùng miền trong tỉnh không đồng đều. Nguồn nhân lực chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển. Một số đề án, dự án về lĩnh vực văn hóa, xã hội thực hiện chậm.

1.3. Chính quyền ở một số địa phương hoạt động hiệu quả chưa cao; kỷ cương, kỷ luật hành chính chưa nghiêm. Công tác cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh có nhiều cố gắng nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp, người dân. Chất lượng thực thi công vụ của một bộ phận cán bộ, công chức chưa đáp ứng yêu cầu. Quan hệ phối hợp giữa các cấp, các ngành trên một số mặt thiếu đồng bộ, hiệu quả chưa cao.

1.4. Việc kết hợp giữa phát triển kinh tế với xây dựng tiềm lực quân sự quốc phòng ở một số lĩnh vực, địa phương chưa đáp ứng yêu cầu; tiến độ triển khai xây dựng một số công trình phòng thủ còn chậm. Công tác nắm, dự báo, phân tích, tham mưu xử lý tình hình phức tạp ở cơ sở có lúc, có nơi chưa kịp thời. Tội phạm,

tệ nạn xã hội, tai nạn giao thông, tệ nạn ma túy... tuy được kiểm chế nhưng vẫn tiềm ẩn nhiều nguy cơ phức tạp.

1.5. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội các cấp có lúc, có nơi còn thiếu sự phối hợp đồng bộ; công tác giám sát, phản biện xã hội, góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền chưa đạt hiệu quả so với yêu cầu. Phát triển, nâng cao chất lượng đoàn viên, hội viên, xây dựng lực lượng chính trị trong doanh nghiệp khu vực ngoài nhà nước và đơn vị sự nghiệp ngoài công lập chưa đạt chỉ tiêu đề ra. Chất lượng, hiệu quả hoạt động một số tổ chức hội quần chúng còn thấp.

1.6. Việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức quán triệt và thực hiện chủ trương, nghị quyết của Đảng ở một số nơi còn chậm, chưa quyết liệt, hiệu quả chưa cao. Công tác đấu tranh chống quan điểm sai trái, thù địch có mặt chưa sắc bén; đấu tranh phản bác, ngăn chặn các thông tin xấu, sai trái trên mạng xã hội còn bị động.

Đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị có lúc, có nơi còn lúng túng, thiếu quyết tâm. Việc thực hiện tinh giản biên chế vẫn chủ yếu giảm số nghỉ hưu và chỉ tiêu chưa tuyển dụng. Công tác phát triển tổ chức đảng và đảng viên ở các doanh nghiệp ngoài nhà nước, kết nạp chủ doanh nghiệp tư nhân vào Đảng, kết nạp đảng viên ở nông thôn, trong tôn giáo còn nhiều khó khăn. Đội ngũ cán bộ đông nhưng chưa mạnh, chất lượng không đồng đều. Quy hoạch cán bộ một số nơi còn dàn trải hoặc khép kín, thiếu tính liên thông giữa các cấp, các ngành, các địa phương, chưa đảm bảo tỷ lệ trẻ, nữ theo quy định; đào tạo cán bộ vẫn còn tình trạng chạy theo bằng cấp, chưa chú trọng bồi dưỡng theo chức danh; luân chuyển cán bộ chưa mạnh. Công tác đánh giá cán bộ gắn với bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử, bố trí cán bộ đúng năng lực, sở trường có mặt chưa tốt.

Công tác kiểm tra ở một số nơi còn thiếu trọng tâm, trọng điểm, chất lượng, hiệu quả chưa cao; việc tự kiểm tra, phát hiện và xử lý vi phạm vẫn là khâu yếu; còn có vụ việc đề UBKT Trung ương kiểm tra cách cấp và xử lý. Việc kiểm tra tổ chức đảng, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm của UBKT các cấp còn ít; xem xét, xử lý kỷ luật đối với một số tổ chức đảng, đảng viên thiếu kiên quyết, chưa kịp thời. Việc theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát tình hình khắc phục thiếu sót, khuyết điểm, vi phạm đã được chỉ ra qua kiểm tra, thanh tra, giám sát của một số cấp ủy, chính quyền địa phương, đơn vị chưa được quan tâm đúng mức, thiếu thường xuyên, dễ dẫn đến tích tụ vi phạm.

Biện pháp phòng ngừa trong công tác phòng, chống tham nhũng còn mang tính hình thức; phát hiện vụ việc tham nhũng còn ít. Việc phối hợp trong thanh tra, kiểm tra, điều tra, truy tố, xét xử một số vụ việc, vụ án kinh tế, tham nhũng còn thiếu chặt chẽ nên xử lý kéo dài, hiệu quả chưa cao.

Công tác dân vận chính quyền ở một số sở, ngành, địa phương chưa được quan tâm đúng mức; thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở ở một số địa phương, cơ

quan, đơn vị vẫn còn hình thức. Sự phối hợp giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị về công tác vận động quần chúng có lúc còn thiếu đồng bộ, chưa chặt chẽ.

Đôi mới phương thức lãnh đạo của Đảng có mặt chưa đáp ứng yêu cầu. Cải cách thủ tục hành chính trong Đảng còn chậm, hiệu quả chưa cao.

2. Nguyên nhân của hạn chế, yếu kém

Những khuyết điểm, yếu kém nêu trên, nhất là trong lĩnh vực kinh tế - xã hội có nguyên nhân vừa khách quan, vừa chủ quan, trong đó chủ yếu là do tích lũy nguồn lực từ nội bộ nền kinh tế - xã hội của tỉnh còn hạn chế, trong khi kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 của Trung ương bố trí cho tỉnh giảm, tiến độ giải ngân chậm; do dự báo và kỳ vọng vào sự phát triển của Khu Kinh tế Đông Nam Quảng Trị và các dự án động lực nên nhiều chỉ tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết XVI đề ra cao so với khả năng huy động nguồn lực và tổ chức thực hiện; một số cơ chế, chính sách thay đổi dẫn đến thu ngân sách từ hoạt động xuất nhập khẩu giảm mạnh. Cạnh tranh trong thu hút đầu tư ngày càng gay gắt, điều kiện đáp ứng yêu cầu của sản xuất kinh doanh (chất lượng nguồn nhân lực, mặt bằng, dịch vụ tiện ích...) cải thiện chưa nhiều; sức hấp dẫn trong thu hút đầu tư còn thấp so với nhiều tỉnh trong khu vực. Sự tác động của biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, nhất là dịch tả lợn châu Phi, đại dịch Covid-19 ..., đã dẫn đến những hạn chế, khó khăn trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội. Tuy nhiên, nguyên nhân chủ quan vẫn là chủ yếu, đó là:

Năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý điều hành, tổ chức thực hiện của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận, đoàn thể chính trị - xã hội các cấp trong tỉnh còn một số hạn chế. Việc cụ thể hóa chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước một số nơi còn thiếu linh hoạt, sáng tạo, hiệu quả chưa cao. Công tác nghiên cứu, dự báo tình hình chưa sát với thực tế, chưa lường hết được các tình huống khó khăn trong nhiệm kỳ. Sự phối hợp giữa các cơ quan, địa phương trong giải quyết một số nhiệm vụ còn lúng túng, thiếu đồng bộ nên hiệu quả chưa cao. Tính tiên phong gương mẫu của một bộ phận cán bộ, đảng viên còn hạn chế, trình độ, năng lực chưa đáp ứng yêu cầu, ý thức, tinh thần trách nhiệm chưa cao, ngại đổi mới, sợ trách nhiệm; còn tình trạng nhùng nhĩnh, gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp. Công tác kiểm tra, giám sát của Đảng, thanh tra của chính quyền và giám sát của Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội, Nhân dân đối với hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị ở một số nơi chưa thường xuyên, hiệu quả chưa cao. Trình độ quản lý, tư duy kinh tế của nhiều chủ doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh chưa theo kịp với kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế.

III. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Từ thực tiễn lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh rút ra 05 bài học kinh nghiệm sau:

Thứ nhất, luôn giữ gìn và phát huy khối đoàn kết thống nhất trong Đảng và hệ thống chính trị, sự đồng thuận trong toàn xã hội để tạo nên sức mạnh tổng hợp trong thực hiện nhiệm vụ chính trị. Thường xuyên chăm lo xây dựng Đảng bộ, củng cố hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở trong sạch, vững mạnh; chú trọng đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất, năng lực và uy tín; phát huy vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, người đứng đầu, là nhân tố quyết định thành công.

Thứ hai, luôn quán triệt và nắm vững đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước để vận dụng linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với điều kiện thực tiễn và nhu cầu phát triển của địa phương. Từng giai đoạn phải kịp thời phát hiện đúng và tháo gỡ các điểm nghẽn cản trở sự phát triển cũng như quan tâm xác định các nguồn lực phù hợp để khai thác, phát huy; biến khó khăn, thách thức thành tiềm năng, cơ hội phát triển. Trong việc phân bổ nguồn lực, vừa chú trọng tính toàn diện, vừa tập trung đối với những lĩnh vực then chốt, trọng tâm, trọng điểm, có tính đột phá, tạo động lực cho phát triển.

Thứ ba, trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện phải có quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, năng động, sáng tạo, tích cực, có bước đi phù hợp, hiệu quả. Đề cao trách nhiệm người đứng đầu gắn với cam kết trách nhiệm, nói đi đôi với làm, phát huy tinh thần nêu gương, khát vọng phát triển của tập thể lãnh đạo và người đứng đầu, tạo cảm hứng và sự lan tỏa trong các cấp, các ngành, trong đội ngũ cán bộ, đảng viên và toàn xã hội để thực hiện hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao.

Thứ tư, quán triệt và thực hiện đúng phương châm “Nội lực là quyết định, ngoại lực là quan trọng”; vì vậy, cần tích cực, chủ động phát huy nội lực và tranh thủ huy động tối đa các nguồn lực bên ngoài; tranh thủ sự chỉ đạo, hỗ trợ, giúp đỡ của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ và các bộ, ban, ngành Trung ương; mạnh dạn đề xuất, kiến nghị các cơ chế, chính sách phù hợp, kiên trì bám sát để tỉnh có thêm cơ hội phát triển.

Thứ năm, gắn kết chặt chẽ và đồng bộ các nhiệm vụ phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt, văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội. Tăng cường quản lý, sử dụng hợp lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, giữ vững quốc phòng, an ninh, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế.

Phần thứ hai

**PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU
PHÁT TRIỂN TỈNH QUẢNG TRỊ GIAI ĐOẠN 2021 - 2025,
TÍNH ĐẾN NĂM 2030**

I. BỐI CẢNH TÌNH HÌNH

Trong những năm tới, cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc ngày càng phức tạp, khó lường; ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh sẽ tác động đến tất cả các quốc gia, làm cho kinh tế thế giới bị suy giảm và phục hồi chậm. Tình hình Biển Đông tiếp tục diễn biến phức tạp. Tuy nhiên, hòa bình, hợp tác vẫn là xu thế chủ đạo trên phạm vi toàn cầu.

Trong nước, sau gần 35 năm đổi mới, vị thế, uy tín và tiềm lực của đất nước được nâng cao. Những cơ chế, chính sách mới được Đảng và Nhà nước triển khai thực hiện mục tiêu đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, có thu nhập trung bình cao vào năm 2030 và trở thành nước công nghiệp phát triển hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa vào năm 2045 sẽ tạo ra luồng sinh khí mới, thúc đẩy nền kinh tế tỉnh phát triển nhanh hơn. Mặc dù các thế lực thù địch, phản động tiếp tục tăng cường chống phá nhưng uy tín của Đảng, Nhà nước ta vẫn tiếp tục nâng cao, đại bộ phận Nhân dân đồng thuận, tin tưởng vào chế độ và định hướng phát triển đất nước.

Đối với tỉnh ta, những thành tựu sau 30 năm lập lại tỉnh và kết quả thực hiện kế hoạch 5 năm 2016 - 2020 đã tạo tiền đề phát triển cho giai đoạn tiếp theo. Nhiều chương trình, dự án động lực, trọng điểm của tỉnh đã được khởi động trong nhiệm kỳ qua, nhất là việc hình thành Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị kết nối với Hành lang kinh tế Đông - Tây và các khu kinh tế, khu dịch vụ du lịch của tỉnh sẽ tạo nền tảng để phát triển kinh tế - xã hội trong nhiệm kỳ mới. Định hướng phát triển đúng, cùng với quyết tâm chính trị, khát vọng phát triển, tinh thần trách nhiệm nêu gương của đội ngũ cán bộ, đảng viên, tập thể lãnh đạo, người đứng đầu, sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng bộ, sự đồng thuận trong Nhân dân; sự ổn định về chính trị, xã hội tiếp tục được giữ vững là điều kiện, là động lực cho sự phát triển của tỉnh. Bên cạnh những vận hội, cơ hội phát triển và hội nhập, nội tại nền kinh tế tỉnh sẽ còn những khó khăn nhất định; trong bối cảnh tình hình thế giới và khu vực xuất hiện thêm những khó khăn, thách thức cho đất nước cũng như tỉnh nhà, đòi hỏi sự nỗ lực phấn đấu bền bỉ và quyết tâm cao nhất của Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân toàn tỉnh để thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra.

II. QUAN ĐIỂM

1. Chủ động hội nhập, đẩy mạnh đổi mới sáng tạo; tranh thủ cơ hội và chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp 4.0; ứng dụng công nghệ số để tạo động lực thúc đẩy phát triển toàn diện các ngành, lĩnh vực. Đổi mới toàn diện giáo

dục - đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Khơi dậy ý chí, khát vọng phát triển; phát huy sức mạnh về truyền thống văn hóa, lịch sử và phẩm chất con người Quảng Trị.

2. Khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của tỉnh; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với chuyển dịch cơ cấu lao động bền vững, hiệu quả, chuyển mạnh phát triển nền kinh tế từ đầu tư theo chiều rộng sang đầu tư theo chiều sâu. Ưu tiên tập trung đầu tư phát triển một số ngành, lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế nổi trội để tạo đột phá; xây dựng một số vùng kinh tế động lực trở thành cực tăng trưởng thúc đẩy và lan tỏa đối với nền kinh tế của tỉnh. Phát triển đồng bộ các ngành, lĩnh vực để đạt được kết quả cao nhất.

3. Phát huy sức mạnh nội lực, tranh thủ ngoại lực và chủ động nắm bắt thời cơ. Tạo môi trường thuận lợi để khuyến khích phát triển các thành phần kinh tế, nhất là kinh tế tư nhân, để kinh tế tư nhân trở thành động lực tăng trưởng của nền kinh tế. Mở rộng quan hệ hợp tác kinh tế, kinh tế đối ngoại.

4. Xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, phát triển hài hòa; không ngừng nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. Phát triển toàn diện về kinh tế - xã hội, đô thị hóa gắn với phát triển nông thôn, bảo đảm quốc phòng - an ninh và bảo vệ môi trường.

5. Đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng; xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, có tâm huyết, khát vọng xây dựng quê hương phát triển, gắn bó mật thiết với Nhân dân là những nhân tố có ý nghĩa quyết định thành công.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU

1. Phương hướng và mục tiêu tổng quát

Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các cấp ủy đảng; xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; xây dựng chính quyền năng động, sáng tạo, hiệu quả và liêm chính, phục vụ Nhân dân. Phát huy ý chí, khát vọng vươn lên và sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân; khơi dậy mọi tiềm năng và nguồn lực xã hội, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ để thúc đẩy phát triển nhanh và bền vững. Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh; tạo điều kiện cho kinh tế tư nhân phát triển, trở thành động lực tăng trưởng của nền kinh tế. Tiếp tục thực hiện đồng bộ, hiệu quả 3 khâu đột phá chiến lược. Biến những bất lợi, khó khăn thành tiềm năng, lợi thế của tỉnh nhằm đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn; đẩy mạnh tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Xây dựng và phát triển mạnh các mô hình kinh tế có hiệu quả cao, các sản phẩm

mang thương hiệu đặc sắc của tỉnh. Nâng cao hiệu quả quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Tăng cường hoạt động kinh tế đối ngoại và hội nhập quốc tế. Phát triển các lĩnh vực văn hóa xã hội; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân, thực hiện tốt các chính sách xã hội. Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Phấn đấu đưa Quảng Trị trở thành tỉnh có trình độ phát triển thuộc nhóm trung bình cao của cả nước vào năm 2025; nằm trong nhóm 30 tỉnh thuộc tốp đầu của cả nước vào năm 2030.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu

2.1. Chỉ tiêu kinh tế - xã hội - môi trường và cải cách hành chính

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế (tính theo GRDP) bình quân giai đoạn 2021 - 2025 đạt 7,5 - 8% và giai đoạn 2026 - 2030 đạt trên 8%;
- GRDP bình quân đầu người đến năm 2025 đạt 85 - 90 triệu đồng và đến năm 2030 đạt trên 150 triệu đồng;
- Đến năm 2025 cơ cấu kinh tế (tính theo GRDP): nông nghiệp 15%, phi nông nghiệp là 85%; đến năm 2030 cơ cấu phi nông nghiệp 85 - 90%;
- Tỷ trọng đóng góp của kinh tế tư nhân trong GRDP đến năm 2025 là 70% và đến năm 2030 trên 75%;
- Tỷ trọng tổng vốn đầu tư toàn xã hội/GRDP giai đoạn 2021 - 2025 là 50%; giai đoạn 2026 - 2030 chiếm dưới 45%;
- Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn giai đoạn 2021 - 2025 đạt 21.500-22.500 tỷ đồng, thu nội địa tăng bình quân hàng năm là 10 - 12%/năm; giai đoạn 2026 - 2030 đạt 38.300 tỷ đồng, thu nội địa tăng bình quân hàng năm là 12%/năm;
- Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới đến năm 2025 là 75% và đến năm 2030 là 85%;
- Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân hàng năm giai đoạn 2021- 2025 từ 1 - 1,5% và giai đoạn 2026 - 2030 từ 1 - 1,5%;
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2025 đạt 75 - 80%; trong đó có bằng cấp, chứng chỉ trên 33% và đến năm 2030 là 85 - 90%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ trên 36%;
- Số lao động được tạo việc làm mới bình quân hàng năm giai đoạn 2021- 2025 là 12.000 lao động và giai đoạn 2026 - 2030 là 12.600 lao động;
- Huy động các nguồn lực để phấn đấu đến năm 2025, 100% xã, phường, thị trấn có trung tâm văn hóa - thể thao; 100% làng, thôn, bản, khu phố có nhà văn hóa - khu thể thao, trong đó có 90% đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Đến năm 2025, trường học được công nhận đạt chuẩn quốc gia: cấp mầm non đạt 70%; cấp tiểu học đạt 80%, cấp THCS: 80%, Trường phổ thông có nhiều cấp học đạt 60%, cấp THPT đạt 60%;

- Đến năm 2025, đạt tỷ lệ 11 bác sĩ/1 vạn dân, 35 giường bệnh/1 vạn dân; đến năm 2030 đạt tỷ lệ 12 bác sĩ/1 vạn dân, 37 giường bệnh/1 vạn dân. Phần đầu có 01 bệnh viện ngoài công lập đạt chuẩn quốc tế;

- Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đến năm 2025 là 98% và đến năm 2030 là 100%;

- Tuổi thọ trung bình đến năm 2025 là 70 tuổi và đến năm 2030 là 71 tuổi;

- Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch ở thành thị đến năm 2025 là 97% và đến năm 2030 là 99%;

- Tỷ lệ người dân sử dụng nước hợp vệ sinh ở nông thôn đến năm 2025 là 97,5% và đến năm 2030 là 98%.

- Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt ở đô thị đến năm 2025 đạt 98%; tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt ở nông thôn đến năm 2025 đạt 60%.

- Phần đầu chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) nằm trong nhóm các tỉnh, thành phố có chất lượng điều hành khá của cả nước.

- Phần đầu chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) và chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) thuộc top 20 của cả nước.

2.2. Chỉ tiêu về xây dựng đảng

- Hằng năm, có trên 85% số đảng bộ, ban thường vụ cấp ủy cấp huyện và tương đương xếp loại từ “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên; có trên 85% tổ chức cơ sở đảng xếp loại từ “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên;

- Phần đầu đến cuối nhiệm kỳ, thành lập mới trên 30 tổ chức đảng trong doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước; 100% thôn, bản, khu phố có tổ chức đảng.

- Trong nhiệm kỳ kết nạp trên 7.500 đảng viên (bình quân hằng năm đạt trên 1.500 đảng viên).

- Phần đầu đến cuối nhiệm kỳ, thực hiện 100% đơn vị cấp huyện có bí thư cấp ủy, trưởng các ngành công an, toà án, kiểm sát, thanh tra, tài chính, thuế không phải là người địa phương.

IV. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM; CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC ĐỘT PHÁ

1. Các chương trình, dự án trọng điểm

- Tiếp tục thực hiện hoàn thành việc đầu tư xây dựng và phát triển trục kinh tế kết nối các trọng điểm kinh tế đã đề ra từ nhiệm kỳ trước; hình thành Hành lang kinh tế qua cửa khẩu quốc tế La Lay về Mỹ Thủy và kết nối Hành lang kinh tế Đông - Tây; đồng thời nghiên cứu, xây dựng, triển khai một số trọng điểm kinh tế nhằm tạo động lực mới.

- Triển khai các công trình giao thông quan trọng, huyết mạch, tạo hiệu ứng

lan tỏa và động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Triển khai một số dự án quan trọng trong lĩnh vực văn hóa - xã hội, đáp ứng yêu cầu của đời sống Nhân dân và phục vụ phát triển du lịch.

- Hoàn thành đúng tiến độ việc xây dựng Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; Quy hoạch phát triển thành phố Đông Hà; Quy hoạch phát triển các khu đô thị ven biển; khai thác có hiệu quả tiềm năng, lợi thế để phát triển mạnh kinh tế biển.

2. Các ngành, lĩnh vực đột phá

- Các ngành công nghiệp dựa trên lợi thế của địa phương, như: công nghiệp năng lượng; công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản (nhất là công nghiệp chế biến gỗ); công nghiệp silicat; công nghiệp may mặc.

- Nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, liên kết theo chuỗi giá trị.

- Một số ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao, tiềm năng lớn và có khả năng cạnh tranh (tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, công nghệ thông tin, bưu chính viễn thông, thị trường bất động sản...). Phát triển nhanh hạ tầng công nghệ thông tin, viễn thông, thúc đẩy chuyển đổi số, nhằm xây dựng và phát triển kinh tế số.

- Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

V. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Đẩy mạnh tái cơ cấu các ngành kinh tế, gắn với thị trường tiêu thụ sản phẩm; thực hiện tốt định hướng phát triển vùng, miền

1.1. Tiếp tục đẩy mạnh tái cơ cấu nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới. Phấn đấu giá trị tăng thêm khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản bình quân hàng năm tăng 2,5 - 3%

Phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản hiệu quả, bền vững theo hướng hàng hóa gắn với thị trường tiêu thụ; ưu tiên phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao, thân thiện môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu. Khuyến khích tích tụ, tập trung ruộng đất gắn với đẩy mạnh cơ giới hóa; phát triển các hình thức liên kết hợp tác, xúc tiến đầu tư, gắn sản xuất với chế biến, tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị; ưu tiên phát triển các sản phẩm chủ lực của địa phương. Sản lượng lương thực có hạt ổn định 25 - 26 vạn tấn/năm; diện tích gieo trồng lúa chất lượng cao bình quân hàng năm đạt trên 80% tổng diện tích gieo trồng lúa, trong đó diện tích lúa sản xuất theo cánh đồng lớn, áp dụng quy trình sản xuất hữu cơ, đảm bảo an toàn thực phẩm, có chứng nhận, có liên kết đạt 11.000 - 12.000 ha. Khai thác hiệu quả tiềm năng đất đai, lao động để phát triển cây công nghiệp ngắn và dài ngày, cây ăn quả đặc sản, cây dược liệu; diện tích cây ăn quả và cây dược liệu đạt 10.000 ha. Trồng mới, tái canh diện tích cà phê; ổn định diện tích cao su hiện có, trồng mới và thâm canh hồ tiêu theo quy hoạch. Ổn định diện tích cây hồ tiêu 2.700 ha⁵⁹, cây cà phê 5.500 ha⁶⁰, cây cao su 20.000 - 21.000 ha.

Phát triển chăn nuôi theo hướng công nghiệp, bán công nghiệp, quy mô trang trại, gia trại tập trung gắn với thị trường, bảo đảm an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường. Khuyến khích và hỗ trợ đầu tư các cơ sở nhân giống đảm bảo an toàn dịch bệnh, hợp chuẩn, hợp quy, chủ động nguồn giống tại chỗ. Tiếp tục phát triển đàn bò và chú trọng chương trình Zebu hóa đạt 60% tổng đàn trở lên. Duy trì ổn định đàn trâu; đẩy mạnh chăn nuôi gia cầm; xây dựng chỉ dẫn địa lý, thương hiệu cho các vùng nuôi đặc sản địa phương. Phát triển tổng đàn lợn, tăng cường liên kết để giải quyết đầu ra cho sản phẩm chăn nuôi. Phân đầu tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng các loại năm 2025 đạt 45.000 - 47.000 tấn.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng bền vững, nhất là rừng tự nhiên, rừng đầu nguồn xung yếu, rừng phòng hộ biên giới, ven biển, bảo tồn và phát triển rừng đặc dụng. Nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị sản phẩm gỗ rừng trồng, ưu tiên và chuyển mạnh sang trồng rừng gỗ lớn theo tiêu chuẩn quốc tế FSC, gắn doanh nghiệp chế biến với vùng nguyên liệu, sản xuất theo chuỗi giá trị. Hàng năm, trồng mới rừng tập trung đạt 6.500 - 7.000 ha; duy trì độ che phủ rừng ổn định 49,5%. Đưa tỉnh Quảng Trị trở thành một trung tâm cung cấp nguyên liệu, chế biến gỗ rừng trồng của khu vực miền Trung vào năm 2030.

Phát triển thủy sản thành ngành kinh tế mạnh theo hướng sản xuất hàng hóa và ổn định vùng nguyên liệu cho công nghiệp chế biến. Đẩy mạnh nuôi trồng thủy sản, đầu tư cơ sở hạ tầng và hệ thống thủy lợi cho vùng nuôi. Ứng dụng khoa học kỹ thuật để nâng cao năng suất nuôi tôm trên mỗi đơn vị diện tích. Chuyển đổi mạnh khai thác thủy sản xa bờ, ứng dụng công nghệ hiện đại với các thiết bị hàng hải, thông tin liên lạc, máy định vị, tầm ngư... để nâng cao năng lực đánh bắt. Nâng cao năng lực quản lý, khai thác hiệu quả các cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão, dịch vụ hậu cần nghề cá. Đến năm 2025, số tàu cá chiều dài trên 15m có công suất trên 90cv đạt 250 chiếc; sản lượng thủy sản đạt 40.000 tấn; diện tích nuôi trồng thủy sản đạt 3.600 - 3.800 ha. Phát triển kinh tế biển, gắn với hình thành trục đô thị ven biển để khai thác tiềm năng, lợi thế và đảm bảo an ninh biển, đảo.

Nâng cấp, hiện đại hóa hệ thống thủy lợi hiện có để phát huy tối đa năng lực thiết kế; đảm bảo tưới chủ động trên 90% diện tích đất trồng lúa 02 vụ, vùng màu và cây công nghiệp 5.500 - 6.000 ha, cấp nước cho nuôi trồng thủy sản 2.500 ha; ngăn mặn giữ ngọt 15.500 ha; tăng cường khả năng thoát lũ cho các vùng dân cư; chủ động tiêu úng 21.500 ha đất sản xuất nông nghiệp. Nâng cao năng lực quản lý, khai thác hệ thống tưới tiêu phù hợp với điều kiện sinh thái và tập quán canh tác của các vùng. Ứng dụng công nghệ tưới tiết kiệm, thông minh, sử dụng nguồn nước có hiệu quả. Phát triển hệ thống thủy lợi đa mục tiêu, đáp ứng nhu cầu cung cấp nước cho sản xuất và đời sống của Nhân dân. Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng

phòng chống và giảm nhẹ thiên tai; đảm bảo an toàn hồ chứa.

Xây dựng nông thôn mới tiếp tục là một trong những nhiệm vụ chính trị trọng tâm và xuyên suốt của tỉnh. Duy trì vững chắc kết quả của các xã đã đạt chuẩn; đẩy mạnh phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu. Tập trung chỉ đạo xây dựng nông thôn mới tại các xã khó khăn, biên giới, nhằm giảm khoảng cách chênh lệch giữa các xã miền núi và đồng bằng. Đến cuối năm 2025, phấn đấu có thêm 03 huyện đạt chuẩn nông thôn mới; có 75% số xã đạt chuẩn nông thôn mới; 25% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu; không còn xã dưới 10 tiêu chí. Phấn đấu đến năm 2030, có 85% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, toàn tỉnh có 05 huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

1.2. Đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế. Phấn đấu giá trị tăng thêm khu vực công nghiệp - xây dựng bình quân hàng năm tăng 11 - 11,5%

Đẩy mạnh phát triển công nghiệp trên cơ sở khai thác, phát huy các ngành có lợi thế như: công nghiệp năng lượng, công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản, công nghiệp phụ trợ, công nghiệp silicat, dệt may... Đến năm 2030, phát triển mạnh công nghiệp sản xuất, chế biến gỗ thành phẩm và bán thành phẩm; sản xuất vật liệu xây dựng cao cấp, công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản. Nâng cao chất lượng và khả năng cạnh tranh, tăng hàm lượng công nghệ cao để tham gia chuỗi giá trị toàn cầu ở một số sản phẩm, lĩnh vực chủ yếu. Đẩy mạnh thu hút các dự án đầu tư công nghiệp lớn, công nghệ tiên tiến để tạo động lực thúc đẩy các ngành công nghiệp của tỉnh phát triển. Triển khai xây dựng các dự án năng lượng tái tạo đã được quy hoạch. Xây dựng Quảng Trị trở thành Trung tâm năng lượng của miền Trung vào năm 2030.

Ưu tiên tập trung đầu tư xây dựng và phát triển Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị làm hạt nhân phát triển công nghiệp, trong đó tập trung hoàn thành và đưa vào hoạt động các dự án trọng điểm như dự án nhiệt điện than BOT 1, dự án nhà máy điện tua bin khí hỗn hợp Quảng Trị 340 MW, dự án khí hóa lỏng LNG... Quy hoạch và phát triển công nghiệp phụ trợ dọc Quốc lộ 15D, Quốc lộ 49 để gắn liền Khu kinh tế cửa khẩu La Lay với Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị và cảng biển Mỹ Thủy, hình thành nên Hành lang kinh tế (tuyến Xuyên Á thứ 2) song song với Hành lang kinh tế Đông Tây.

Đẩy mạnh thu hút đầu tư và triển khai thực hiện các dự án động lực tại Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị và các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Trong đó, phát triển Khu công nghiệp Nam Đông Hà theo hướng công nghiệp sạch, công nghiệp công nghệ cao; tiếp tục thu hút các dự án phù hợp, đúng quy hoạch vào Khu công nghiệp Quán Ngang, để Quán Ngang giữ vai trò quan trọng trong thúc đẩy phát triển kinh tế của tỉnh; tạo điều kiện để thành lập Khu công nghiệp Tây Bắc Hồ Xá, thúc đẩy phát triển công nghiệp phía Bắc của tỉnh;

tiếp tục hỗ trợ nhà đầu tư để sớm triển khai dự án Khu công nghiệp Quảng Trị (VSIP 8).

Tập trung đầu tư, đổi mới công nghệ trong các ngành công nghiệp mũi nhọn của tỉnh. Khuyến khích các dự án công nghiệp mới, công nghệ và thiết bị hiện đại. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ mới trong sản xuất và xử lý môi trường ở các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Tăng cường áp dụng công nghệ tiên tiến để sản xuất sản phẩm đạt tiêu chuẩn xuất khẩu, nhất là trong các lĩnh vực chế biến nông, lâm, thủy sản; khai thác và chế biến khoáng sản; sản xuất vật liệu xây dựng, nhất là vật liệu mới, vật liệu chất lượng cao... Đầu tư xây dựng hệ thống xử lý chất thải, nước thải tại các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

Nâng cao năng lực ngành xây dựng đạt trình độ tiên tiến; tiếp cận và làm chủ khoa học, công nghệ - kỹ thuật, đáp ứng yêu cầu xây dựng trong nước, nhất là đối với các công trình có trình độ kỹ thuật cao trong lĩnh vực xây dựng.

1.3. Nâng cao chất lượng và hiệu quả các loại hình dịch vụ, phát triển mạnh dịch vụ du lịch. Phân đấu giá trị tăng thêm khu vực dịch vụ bình quân hàng năm tăng 7 - 7,5%

Rà soát, bổ sung định hướng phát triển một số sản phẩm chủ lực của địa phương; tập trung chỉ đạo xây dựng các sản phẩm địa phương mang thương hiệu quốc gia. Nhân rộng mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm.

Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối giao thương, xuất khẩu hàng hóa; liên kết, hợp tác tìm kiếm thị trường để tiêu thụ, xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý cho một số sản phẩm chủ lực. Khuyến khích, hỗ trợ và tạo điều kiện cho doanh nghiệp kết nối cung cầu, xây dựng thương hiệu, mở rộng thị trường. Đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử. Thực hiện hiệu quả cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”. Phát triển hệ thống chợ đầu mối, chợ nông thôn, chợ chuyên doanh, các trung tâm phân phối hàng hóa, trung tâm thương mại, siêu thị văn minh, hiện đại.

Triển khai đầu tư các tổng kho xăng dầu trên địa bàn tỉnh theo Quy hoạch đã được phê duyệt. Thu hút đầu tư, phát triển mạnh dịch vụ vận tải, mạng lưới kho tàng, bến bãi, dịch vụ logistic; xây dựng cảng trung chuyển hàng hoá bằng công - ten - nơ phục vụ lưu thông hàng hóa hai chiều giữa các nước ASEAN. Xây dựng Quảng Trị trở thành điểm trung chuyển hàng hóa của các nước trong khu vực vào năm 2030. Nghiên cứu phát triển Khu kinh tế - thương mại Lao Bảo gắn với định hướng phát triển thương mại xuyên biên giới để hình thành Khu thương mại biên giới.

Tập trung phát triển, nâng cao chất lượng và khả năng đóng góp vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh từ các dịch vụ tiện ích, hiện đại, có giá trị gia tăng cao và tiềm năng lớn như: vận tải, khoa học công nghệ, bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, các loại dịch vụ tư vấn...

Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Huy động các nguồn lực đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng kỹ thuật tại các khu du lịch, điểm du lịch, các khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp. Phát triển du lịch lịch sử - chiến tranh cách mạng là sản phẩm du lịch đặc trưng của Quảng Trị trở thành thương hiệu du lịch hòa bình của cả nước. Nâng cao chất lượng các sản phẩm hiện có; kết nối các sản phẩm du lịch địa phương trong tỉnh và ngoài tỉnh gắn với các sản phẩm du lịch “Con đường Huyền thoại”, “Con đường Di sản”. Xây dựng và định hình thương hiệu Festival “Vì Hòa bình”, Khu du lịch cộng đồng Hệ thống giếng cổ Gio An (Gio Linh); du lịch đảo Cồn Cỏ; đồng thời, khảo sát, đánh giá, khai thác thêm các tuyến, điểm du lịch có tiềm năng của tỉnh. Đẩy mạnh thu hút các nhà đầu tư tiềm năng, đầu tư các dự án du lịch quy mô lớn để đưa kinh tế du lịch phát triển. Chú trọng tạo ra nhiều sản phẩm lưu niệm phục vụ du lịch, nhất là du lịch cộng đồng. Phát triển nguồn nhân lực du lịch đáp ứng yêu cầu phát triển trong tình hình mới.

1.4. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các giải pháp điều hành của Chính phủ về ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát

Chấp hành nghiêm túc các nhiệm vụ, giải pháp chỉ đạo, điều hành của Chính phủ về chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt và thận trọng, phối hợp hài hòa với chính sách tài khóa và các chính sách vĩ mô khác.

Cơ cấu thu ngân sách nhà nước theo hướng bền vững hơn với sự tăng dần về tỷ trọng của thu nội địa trong tổng thu ngân sách trên địa bàn, giảm dần tỷ trọng thu tiền sử dụng đất trong tổng thu nội địa. Tăng khả năng tự cân đối, phân đấu giảm dần số bổ sung từ ngân sách Trung ương.

Thực hiện tốt công tác quản lý thị trường, chống buôn lậu, gian lận thương mại. Đẩy mạnh thu hút đầu tư có trọng tâm, trọng điểm; hỗ trợ, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp kinh doanh, sản xuất phát triển, tạo nguồn thu vững chắc cho ngân sách. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra chống thất thu thuế; hạn chế thấp nhất việc nợ đọng thuế. Phân đấu tăng thu nội địa để thực hiện các chính sách địa phương cần thiết, đối ứng các dự án ODA của tỉnh và dành một phần cho đầu tư phát triển. Nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực tài chính, đặc biệt nguồn vốn từ ngân sách nhà nước. Quản lý chi tiêu chặt chẽ, tiết kiệm, chống lãng phí; rà soát các chế độ chính sách để đảm bảo chi ngân sách thiết thực, hiệu quả.

Thực hiện các giải pháp điều hành hoạt động Ngân hàng trên địa bàn theo đúng định hướng của Ngân hàng Trung ương, bảo đảm tính chủ động, linh hoạt, kiểm soát lạm phát, hỗ trợ doanh nghiệp và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Phân đấu tốc độ tăng trưởng huy động vốn bình quân hàng năm khoảng 12%, đạt 44.060 tỷ đồng vào năm 2025; tăng trưởng tín dụng khoảng 12%, đạt 72.500 tỷ đồng vào năm 2025; nợ xấu dưới 2%.

2. Đẩy mạnh cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao chỉ số

năng lực cạnh tranh cấp tỉnh

Xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, năng động, hiệu lực, hiệu quả, lấy kết quả phục vụ người dân, doanh nghiệp làm tiêu chí đánh giá. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan quản lý nhà nước, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong cải cách thủ tục hành chính, phát triển các dịch vụ công. Xây dựng và phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin đáp ứng các yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Thực hiện chuyển đổi số tại địa phương theo kế hoạch của quốc gia để phát triển kinh tế số. Đến năm 2030, cơ bản hoàn thành xây dựng chính quyền điện tử, tiến tới xây dựng chính quyền số. Duy trì, phát triển hệ thống M.Score trên địa bàn tỉnh.

Tiếp tục xác định cải cách hành chính là một nhiệm vụ chính trị quan trọng của tỉnh. Thực hiện có hiệu quả công tác cải cách hành chính, nâng cao chỉ số cải cách hành chính, góp phần cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh. Tăng cường công tác kiểm tra, rà soát, đánh giá để phát hiện và kiên quyết cắt giảm hoặc đề xuất cắt giảm các thủ tục hành chính trong những lĩnh vực mà người dân và doanh nghiệp còn gặp nhiều phiền hà. Công khai, minh bạch việc cung cấp thông tin, tài liệu pháp lý, quy hoạch, kế hoạch, chính sách thu hút đầu tư của tỉnh. Tiếp tục thực hiện việc cam kết giữa người đứng đầu các sở, ngành, địa phương với lãnh đạo tỉnh về thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm hàng năm, nhất là về cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

3. Tiếp tục sắp xếp, đổi mới nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế

Hoàn thành nhiệm vụ cổ phần hóa, tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước; thoái phần vốn nhà nước tại các doanh nghiệp nhà nước đã được cổ phần hóa theo lộ trình đã đề ra; thực hiện công khai, minh bạch kết quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước theo quy định của pháp luật. Đẩy mạnh việc chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập sang tự chủ kinh phí hoạt động.

Phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đến năm 2025. Tổ chức thực hiện các chương trình truyền thông, phổ biến các thông tin, kiến thức về Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đến các tổ chức, cá nhân, nhóm cá nhân khởi nghiệp, doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp nhỏ và vừa, góp phần hình thành tinh thần khởi nghiệp, văn hóa khởi nghiệp trong cộng đồng. Huy động và nâng cao hiệu quả thu hút vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế, nhất là kinh tế tư nhân, phấn đấu đến năm 2025, thành lập mới khoảng 1.500 - 2.000 doanh nghiệp.

Khuyến khích và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đổi mới và phát triển công nghệ, hỗ trợ ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, kinh doanh. Đẩy mạnh việc xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm hàng hoá của tỉnh; xã hội hoá các hoạt động về năng suất chất lượng, lấy chất lượng làm chuẩn mực của mọi hoạt động của các doanh nghiệp, xây dựng văn hóa doanh nghiệp.

Nghiên cứu, ban hành chính sách địa phương để tiếp tục hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, phù hợp với nhu cầu, điều kiện và trình độ phát triển của các hợp tác xã, phù hợp với khả năng nguồn lực của ngân sách. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động của hợp tác xã, tổ hợp tác, gắn liền với công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp trong phát triển kinh tế tập thể.

4. Ưu tiên xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng, từng bước đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội

Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng từng bước đồng bộ, khắc phục dần các điểm nghẽn trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Hoàn thành một số dự án trọng điểm, động lực, có sức lan tỏa, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, nhất là các công trình giao thông quan trọng kết nối các khu kinh tế, khu công nghiệp, cửa khẩu quốc tế Lao Bảo, La Lay với cảng Cửa Việt, cảng Mỹ Thủy và hệ thống giao thông quốc gia; xây dựng cơ sở hạ tầng các đô thị trên địa bàn tỉnh.

Về giao thông: Thực hiện dự án Quốc lộ 15D; đốc thúc đẩy nhanh quá trình đầu tư để đưa vào khai thác cảng biển Mỹ Thủy; cảng Cửa Việt bờ Nam; Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 9 đoạn từ Quốc lộ 1 về cảng Cửa Việt; mở rộng Quốc lộ 9 đoạn tránh phía Nam Đông Hà; đường ven biển; cảng hàng không sân bay Quảng Trị; đường Hùng Vương nối dài giai đoạn 3; đường từ sân bay Quảng Trị đến đường trung tâm Khu Kinh tế Đông Nam Quảng Trị; trực động lực phát triển kinh tế - xã hội nối thành phố Đông Hà với Khu Kinh tế Đông Nam Quảng Trị; nghiên cứu tuyến đường sắt đoạn Đông Hà - Lao Bảo và đoạn từ cảng Mỹ Thủy nối với đường sắt Bắc - Nam; ga đường sắt cao tốc Bắc - Nam. Đầu tư hoàn thiện, đưa vào sử dụng các công trình đầu tư dở dang, kéo dài nhiều năm.

Về hạ tầng các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp: Tiếp tục đầu tư xây dựng hoàn thiện kết cấu hạ tầng thiết yếu tại Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị, Khu công nghiệp Quán Ngang, Khu công nghiệp Tây Bắc Hồ Xá và các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Xây dựng một số công trình hạ tầng thiết yếu tại khu vực cửa khẩu quốc tế La Lay đủ điều kiện thành lập Khu kinh tế cửa khẩu. Đẩy nhanh triển khai dự án phát triển hạ tầng Khu công nghiệp (VSIP8).

Về hệ thống cấp điện, cấp nước, xử lý rác thải, nước thải: Từng bước hiện đại và ngầm hoá lưới điện; nâng cấp, cải tạo và xây dựng mới hệ thống điện lưới, đáp ứng nhu cầu truyền tải điện, phục vụ các dự án phát triển năng lượng trên địa

bàn; mở rộng mạng lưới điện những nơi chưa có điện. Xây dựng lưới truyền tải để đảm bảo công suất các dự án điện đầu tư trên địa bàn, trong đó, thúc đẩy hoàn thành xây dựng đường dây, trạm biến áp 220kV Đông Hà - Lao Bảo để đồng bộ với các dự án năng lượng tái tạo phía Tây của tỉnh; nghiên cứu và đề xuất Trung ương triển khai một số dự án truyền tải điện khác như dự án đường dây điện 500KV từ Lào về Việt Nam qua địa bàn tỉnh Quảng Trị; dự án TBA 500KV Quảng Trị; dự án đường dây đấu nối Quảng Trị rẽ Vũng Áng - Đà Nẵng và dự án TBA 110 KV Mỹ Thủy... Triển khai các dự án xử lý rác thải từ nguồn vốn đầu tư ngoài nhà nước; hệ thống cấp nước sạch đáp ứng nhu cầu phát triển đô thị và các khu công nghiệp, khu kinh tế và khu dịch vụ du lịch. Nghiên cứu xúc tiến, thu hút đầu tư xây dựng từ 1 - 2 nhà máy xử lý chất thải, nhà hỏa táng trên địa bàn tỉnh.

Về hạ tầng đô thị: Từng bước phát triển hạ tầng đô thị hiện đại, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu. Kêu gọi đầu tư xây dựng các khu đô thị hiện đại. Nghiên cứu xây dựng quy hoạch và phát triển đô thị ven biển để phát triển kinh tế biển, gắn với bảo vệ chủ quyền biển, đảo. Phát triển thị trường bất động sản phù hợp với điều kiện phát triển của tỉnh.

Về hạ tầng nông nghiệp và phát triển nông thôn: Nâng cấp các công trình thủy lợi đảm bảo tưới tiêu chủ động; các công trình đê, kè phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; các khu neo đậu tránh trú bão, dịch vụ hậu cần nghề cá. Từng bước hoàn thành các tiêu chí về kết cấu hạ tầng trong xây dựng nông thôn mới.

Về hạ tầng thương mại: Phát triển hạ tầng thương mại nông thôn; xã hội hóa trong đầu tư xây dựng, quản lý, kinh doanh, khai thác chợ; đầu tư xây dựng một số chợ đầu mối, chợ nông sản, thủy hải sản...

Về văn hóa, thể thao, du lịch: Xây dựng Công viên Thống nhất tại di tích quốc gia đặc biệt Đồi bờ Hiền Lương - Bến Hải; triển khai thực hiện Đề án Festival vì Hòa Bình; Tu bổ, tôn tạo di tích Khu lưu niệm Tổng Bí thư Lê Duẩn (giai đoạn 2); triển khai dự án Phát triển Cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng, giai đoạn 2 -Tiểu dự án tỉnh Quảng Trị; Hoàn thiện khu liên hiệp thể thao tỉnh; nâng cấp di tích Thành Cổ Quảng Trị.

Về y tế, giáo dục: Xây dựng Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Quảng Trị; đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị y tế tuyến tỉnh, tuyến huyện. Hoàn thành Đề án hệ thống y tế cơ sở; Đề án xóa phòng học tạm, phòng học mượn giai đoạn 2019 – 2021. Phát triển hệ thống các trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú tỉnh Quảng Trị đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

5. Thực hiện đồng bộ các giải pháp huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư

Nâng cao chất lượng, hiệu lực quản lý và năng lực tổ chức thực hiện các đồ án quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định, tạo cơ sở pháp lý để thu hút đầu tư; sắp xếp, bố trí lực lượng sản xuất hợp lý, hiệu quả hơn.

Xây dựng môi trường đầu tư thông thoáng, hấp dẫn, bình đẳng và thuận lợi để thu hút các nguồn vốn đầu tư từ bên ngoài. Đổi mới nội dung và hình thức vận động xúc tiến đầu tư. Ban hành danh mục các chương trình, dự án cần kêu gọi đầu tư phù hợp với khả năng, tiềm năng và điều kiện của tỉnh. Chủ động thu hút, hợp tác đầu tư có chọn lọc, lấy chất lượng, hiệu quả, công nghệ và bảo vệ môi trường làm tiêu chí để lựa chọn. Thu hút, vận động, xúc tiến đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, thu hút các doanh nghiệp và nhà đầu tư chiến lược, có năng lực tài chính. Đối với nguồn vốn ODA, tập trung vận động các dự án đầu tư thuộc các lĩnh vực có nhu cầu bức thiết, các công trình quan trọng, kết nối liên vùng, phù hợp với khả năng vay, trả nợ của tỉnh và quy định của pháp luật về an toàn nợ công.

Tăng cường kết nối với các địa phương trong nước và ngoài nước, nhất là các tỉnh trong khu vực Bắc Trung bộ, các địa phương trên tuyến Hành lang kinh tế Đông - Tây để nâng cao hiệu quả thu hút và sử dụng các nguồn vốn đầu tư. Chú trọng kết nối về thể chế, chính sách, tạo sự tương thích để nâng cao hiệu quả hợp tác, tạo thuận lợi trong quan hệ thương mại, vận tải, logistics; về cơ sở vật chất, nhất là hạ tầng giao thông; về con người, trước hết là việc tiếp nhận và sử dụng lao động chất lượng cao, cung cấp và sử dụng các dịch vụ tiện ích, học tập, du lịch, nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí... Đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư, nhất là trong các lĩnh vực giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa, thể thao, phát thanh, truyền hình, khoa học công nghệ, bảo vệ môi trường... để huy động nguồn vốn tư nhân đầu tư vào các lĩnh vực này.

Chuẩn bị đầy đủ các điều kiện về thể chế, chính sách, nguồn nhân lực và cơ sở hạ tầng để tiếp nhận các dự án đầu tư từ bên ngoài. Mở rộng các hình thức đầu tư đối tác công tư, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển thị trường vốn, thị trường bất động sản, phát triển các hình thức liên doanh, liên kết đầu tư, góp vốn đầu tư bằng tài sản.

Tập trung thực hiện tốt công tác giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất sạch để triển khai các dự án đầu tư. Thực hiện nghiêm minh quy định của pháp luật về lĩnh vực quản lý đầu tư; nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn vốn đầu tư.

6. Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, chú trọng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ

6.1. Tiếp tục đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục

Sắp xếp hợp lý mạng lưới trường lớp trên địa bàn tỉnh. Chú trọng công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, kỹ năng, lối sống, kiến thức pháp luật và ý

thức công dân cho học sinh, sinh viên. Xây dựng môi trường văn hóa học đường an toàn, lành mạnh, thân thiện. Triển khai hiệu quả nhiệm vụ đổi mới nội dung, chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; tăng cường các nội dung giáo dục có tính thực tiễn; đẩy mạnh dạy học ngoại ngữ; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và quản lý giáo dục. Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục đại trà; tạo đột phá trong giáo dục mũi nhọn.

Xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đạt chuẩn; đảm bảo đủ giáo viên cho từng cấp học, môn học. Cùng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, xóa mù chữ. Đẩy mạnh xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia, trường đạt yêu cầu kiểm định chất lượng giáo dục. Thực hiện tốt chủ trương giáo dục hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau THCS và THPT. Tăng cường công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập.

Mở rộng mạng lưới trường lớp cho cấp học mầm non, tăng tỷ lệ huy động trẻ trong độ tuổi nhà trẻ ra lớp. Chăm lo phát triển giáo dục vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn; phát triển hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú. Thực hiện thí điểm giao quyền tự chủ và vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp tại một số cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục nghề nghiệp ở nơi có đủ điều kiện. Nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong giáo dục và đào tạo; tăng cường quản lý chất lượng giáo dục và đào tạo.

6.2. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao

Tiếp tục tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng đào tạo và hiệu quả của giáo dục nghề nghiệp; đổi mới giáo dục nghề nghiệp gắn với nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực qua đào tạo cho thị trường lao động và yêu cầu phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và hội nhập.

Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học cho một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã được sắp xếp lại trên địa bàn tỉnh: Trường Cao đẳng kỹ thuật; các trường có ngành, nghề trọng điểm theo các cấp độ; một số Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên cấp huyện. Tạo điều kiện để Phân hiệu Đại học Huế, Trường Cao đẳng sư phạm Quảng Trị liên kết, hợp tác với các cơ sở đào tạo có uy tín đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho tỉnh và khu vực. Gắn kết chặt chẽ giữa nhà trường và doanh nghiệp, tăng cường liên kết đào tạo theo đơn đặt hàng với các doanh nghiệp. Khuyến khích các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phối hợp các địa phương, các ngành tuyển chọn và tổ chức đào tạo đội ngũ cán bộ kỹ thuật và công nhân lành nghề. Nghiên cứu, ban hành cơ chế, chính sách phù hợp để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, phát triển thị trường lao động.

Điều chỉnh cơ cấu đào tạo theo hướng tăng đào tạo công nhân có trình độ trung cấp và cao đẳng kỹ thuật, chú trọng đào tạo các ngành nghề đáp ứng nhu cầu

lao động cho các dự án đang triển khai trên địa bàn tỉnh, nhất là tại khu công nghiệp, khu kinh tế. Đào tạo kỹ thuật, tay nghề cho lao động nông nghiệp, nông thôn, đào tạo nông dân trở thành chuyên gia về nông nghiệp, đào tạo lực lượng lao động trẻ làm nòng cốt trong ứng dụng khoa học kỹ thuật trong nông nghiệp.

6.3. Đẩy mạnh phát triển và ứng dụng khoa học - công nghệ

Nghiên cứu xây dựng các chính sách địa phương để chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 như hỗ trợ khởi nghiệp; đổi mới sáng tạo; tập trung phát triển các ngành ưu tiên có mức độ sẵn sàng cao như công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông; an toàn thông tin, an ninh mạng; tài chính - ngân hàng; thương mại điện tử, nông nghiệp số, du lịch số, công nghiệp văn hóa số, y tế, giáo dục - đào tạo...

Nâng cao hiệu quả công tác nghiên cứu khoa học, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, tạo đột phá về năng suất, chất lượng sản phẩm. Đẩy mạnh chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ vào quản lý, sản xuất, kinh doanh, nhất là công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ sản xuất vật liệu mới. Phát triển một số ngành sản xuất, dịch vụ có hàm lượng khoa học công nghệ cao, công nghệ mới. Nhân rộng các mô hình, tiến bộ khoa học đã được khẳng định hiệu quả. Thực hiện chương trình đổi mới công nghệ, ứng dụng kỹ thuật tiên tiến vào các lĩnh vực kinh tế - xã hội.

Nâng cao hiệu quả các chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học, gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu và ứng dụng, giữa nhà nghiên cứu với người sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học. Điều tra cơ bản về điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên; ứng dụng công nghệ thông tin để xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu cơ bản phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Tăng cường công tác quản lý tiêu chuẩn đo lường chất lượng, đăng ký và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, thương hiệu sản phẩm, hàng hoá... Đẩy mạnh ứng dụng tiêu chuẩn ISO 9001:2015 vào hoạt động quản lý hành chính nhà nước. Áp dụng mạnh mẽ các tiêu chuẩn quốc tế tiên tiến trong hoạt động quản lý, sản xuất, kinh doanh.

Tăng cường tiềm lực khoa học công nghệ của tỉnh; đa dạng hóa thành phần tham gia và đầu tư nguồn lực khoa học và công nghệ, nhất là từ nguồn lực từ doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất. Từng bước xây dựng hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị, trung tâm nghiên cứu, thí nghiệm, kiểm nghiệm, kiểm định, công nghệ thông tin. Phát triển nguồn lực khoa học công nghệ; đào tạo, bồi dưỡng, thu hút đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật có năng lực, trình độ. Mở rộng hợp tác khoa học công nghệ với các tỉnh, thành, các nước trong khu vực nhằm tiếp thu công nghệ mới. Khuyến khích các thành phần kinh tế, các tổ chức, cá nhân đầu tư nghiên cứu khoa học, đổi mới công nghệ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, khai thác hiệu quả các tiềm năng, lợi thế của tỉnh. Tích cực hỗ trợ doanh

ng nghiệp đổi mới công nghệ để nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập.

7. Thực hiện hiệu quả các lĩnh vực văn hóa - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân; phát triển hài hòa giữa thành thị với nông thôn

7.1. Chăm lo phát triển sự nghiệp văn hoá, thông tin - truyền thông, thể dục - thể thao và xây dựng con người

Thực hiện tốt mục tiêu xây dựng con người phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ, đạo đức, tinh thần, năng lực sáng tạo, ý thức công dân và sự tuân thủ pháp luật. Quan tâm xây dựng đạo đức trong gia đình, trường học và xã hội nhất là thế hệ trẻ. Tạo điều kiện nâng cao mức hưởng thụ văn hóa và tham gia hoạt động, sáng tạo văn hóa của nhân dân. Phát huy, đổi mới và nâng cao chất lượng các lễ hội mang nét đặc trưng riêng của Quảng Trị.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh. Phát huy ý thức, trách nhiệm của cộng đồng trong thực hiện hương ước, quy ước; xây dựng, bổ sung hương ước thôn, bản, khu phố sau sáp nhập. Đầu tư nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống các thiết chế văn hoá, thể thao, nhất là ở cơ sở; quan tâm hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất cho các sinh hoạt văn hóa, thể thao ngoài trời, gắn với các công trình phúc lợi công cộng. Chú trọng đầu tư, bảo tồn, khai thác và phát huy giá trị văn hóa phi vật thể, các di tích lịch sử, văn hóa, danh thắng trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện có hiệu quả các kế hoạch, đề án phát triển thông tin - truyền thông; hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin, nhất là các dự án phát triển hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin, đề án chuyển đổi số quốc gia, tạo nền tảng tiếp cận và nắm bắt cơ hội chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và hạ tầng kinh tế số. Triển khai đúng Quy hoạch báo chí theo kết luận của Bộ Chính trị và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống báo chí, xuất bản, bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin, phát thanh và truyền hình; các hoạt động văn học nghệ thuật, văn hóa, văn nghệ quần chúng... đáp ứng yêu cầu đổi mới và nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân. Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và trách nhiệm về ứng dụng công nghệ thông tin trong tất cả các lĩnh vực.

Đẩy mạnh phong trào thể dục, thể thao, rèn luyện thân thể trong nhân dân gắn với nâng cao chất lượng cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ”. Chú trọng giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trường học. Quan tâm phát triển thể thao thành tích cao, nhất là những bộ môn có thế mạnh.

7.2. Phát triển mạng lưới y tế đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe của Nhân dân, nâng cao chất lượng dân số của tỉnh

Đẩy mạnh xã hội hóa lĩnh vực y tế, xây dựng các bệnh viện đối tác công - tư, bệnh viện tư nhân, bệnh viện đạt tiêu chuẩn quốc tế. Thực hiện lộ trình nâng

cấp các cơ sở điều trị trên địa bàn tỉnh. Đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của y tế cơ sở, tăng cường công tác kết hợp quân dân y; nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, lấy sự hài lòng của người bệnh là thước đo. Coi trọng và có chính sách để đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ y bác sĩ, cán bộ ngành y tế; thu hút, trọng dụng bác sĩ giỏi; tăng cường nhân lực y tế cho khu vực nông thôn, miền núi và một số chuyên khoa; chủ động hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế về y tế.

Xây dựng danh mục kỹ thuật phù hợp các tuyến, tiến tới bảo đảm chất lượng dịch vụ đồng đều giữa các cơ sở y tế, các tuyến. Thực hiện kiểm định độc lập, đánh giá chất lượng dịch vụ, xếp hạng bệnh viện theo chất lượng phù hợp với thông lệ quốc tế. Thực hiện cơ chế, chính sách và lộ trình thông tuyến khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế theo quy định. Chú trọng phát triển y học cổ truyền.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về y tế. Nâng cao chất lượng hoạt động y tế cộng đồng; y tế dự phòng; quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm; khống chế kịp thời các bệnh truyền nhiễm, các bệnh dịch thường gặp và bệnh dịch mới; quan tâm phòng chống các bệnh nghề nghiệp. Nâng cao chất lượng dân số, tăng cường lồng ghép thực hiện các mục tiêu dân số vào hoạch định chính sách, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Tiếp tục mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm y tế, thực hiện mục tiêu bảo hiểm y tế toàn dân.

7.3. Tập trung thực hiện có hiệu quả công tác giải quyết việc làm, giảm nghèo và bảo đảm an sinh xã hội

Phát triển đồng bộ thị trường lao động; thực hiện hiệu quả các chương trình, đề án giải quyết việc làm gắn với thị trường lao động; chuyển dịch việc làm khu vực nông thôn theo hướng phi nông nghiệp; đẩy mạnh xuất khẩu lao động.

Tập trung thực hiện công tác giảm nghèo bền vững. Triển khai kịp thời, đồng bộ, hiệu quả các chính sách hỗ trợ người nghèo, nhất là hỗ trợ việc làm, tăng thu nhập, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo bền vững; đào tạo nghề gắn với tạo việc làm sau khi học nghề cho hộ nghèo; tăng cường hỗ trợ xuất khẩu lao động cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ chính sách, người có công với cách mạng và hộ đồng bào dân tộc thiểu số.

Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách ưu đãi của Nhà nước đối với thương binh, bệnh binh, người có công với cách mạng, gia đình liệt sỹ. Huy động nguồn lực xây dựng, nâng cấp, tôn tạo các nghĩa trang liệt sỹ, các công trình tri ân và chăm sóc người có công với cách mạng.

Nâng cao hiệu quả trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội. Triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp về phòng chống tệ nạn ma túy, mại dâm. Thực hiện tốt các chính sách của nhà nước về hỗ trợ nhà ở cho người nghèo, nhà ở phòng, tránh bão lụt, nhà ở cho người có công với cách mạng. Nâng cao chất

lượng, hiệu quả công tác bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ, bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

7.4. Phát triển hài hòa giữa thành thị và nông thôn

Thực hiện Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Đông Hà đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; tiếp tục ưu tiên đầu tư nguồn lực để cơ bản hoàn thành các tiêu chí đô thị loại II, từng bước xây dựng và phát triển thành phố Đông Hà trở thành đô thị xanh, đô thị thông minh. Nghiên cứu mở rộng địa giới hành chính thành phố Đông Hà phù hợp với yêu cầu phát triển và đạt các tiêu chuẩn quy định. Ưu tiên nguồn lực để xây dựng thị xã Quảng Trị đạt đô thị loại 3. Tập trung phát triển các khu đô thị thuộc thành phố Đông Hà, thị xã Quảng Trị và đô thị ven biển. Đầu tư hạ tầng giao thông, đô thị, hạ tầng kỹ thuật thiết yếu cho các đô thị hiện có, trong đó chú trọng đầu tư một số đô thị theo hướng phát triển đô thị thông minh. Thực hiện tốt nhiệm vụ quy hoạch, xây dựng, phát triển, hình thành trục đô thị ven biển để khai thác tốt tiềm năng kinh tế biển gắn với bảo vệ chủ quyền biển, đảo.

Huy động mọi nguồn lực đầu tư và sức mạnh tổng hợp để hoàn thành các mục tiêu của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đến năm 2025 và năm 2030 gắn với tái cơ cấu nông nghiệp, phát triển mạnh kinh tế nông thôn. Cải thiện và nâng cao đời sống mọi mặt của Nhân dân vùng nông thôn. Thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước; nâng cao đời sống người dân vùng miền núi và vùng dân tộc thiểu số. Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống; thực hiện chính sách bình đẳng giới; bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa, tập quán, tín ngưỡng truyền thống tốt đẹp của đồng bào dân tộc thiểu số. Phát huy vai trò của người có uy tín trong cộng đồng, giữ vững khối đại đoàn kết dân tộc, đảm bảo trật tự an toàn xã hội, an ninh vùng biên giới, vùng dân tộc thiểu số.

8. Quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên gắn với bảo vệ môi trường, chủ động thích nghi và ứng phó với biến đổi khí hậu

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu. Hoàn thiện hệ thống điều tra, đánh giá toàn diện về tài nguyên đất, cung cấp đầy đủ dữ liệu về đất đai⁶¹ phục vụ việc hoạch định chính sách và ban hành các quyết định của cơ quan nhà nước trong quản lý và sử dụng đất; hoàn thành các đề án trong lĩnh vực đất đai⁶². Gắn quy hoạch với thực hiện tốt việc tạo mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng.

Tăng cường kiểm soát các hoạt động khai thác tài nguyên khoáng sản, an ninh nguồn nước. Gắn khai thác khoáng sản với chế biến thành phẩm hàng hoá, hạn chế tình trạng bán nguyên liệu thô; thực hiện khai thác đi đôi với bảo vệ, tái tạo phục hồi môi trường vùng mỏ. Lựa chọn cấp phép đối với các đơn vị có đủ năng lực khai thác khoáng sản. Thực hiện tốt việc tổ chức thăm dò, bổ sung quy hoạch; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý khai thác khoáng sản. Tiếp tục tổ chức

đầu giá quyền khai thác khoáng sản, thẩm định và phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường. Kiểm soát chặt chẽ và xử lý kịp thời các nguồn gây ô nhiễm. Nâng cao chất lượng thẩm định đánh giá tác động môi trường, thực hiện có hiệu quả công cụ kinh tế trong bảo vệ môi trường. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới vào hoạt động bảo vệ môi trường. Tăng cường quản lý các khu bảo tồn thiên nhiên, bảo vệ đa dạng sinh học; thực hiện bảo tồn trong hành lang đa dạng sinh học. Xây dựng cơ sở dữ liệu về khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu; hoàn thiện mạng lưới các trạm khí tượng hải văn phục vụ điều tra cơ bản, cảnh báo, dự báo biển, đặc biệt là mực nước biển dâng.

9. Xây dựng chính quyền tinh gọn, năng động, sáng tạo, liêm chính; vận hành thông suốt, hoạt động hiệu lực, hiệu quả

Xây dựng bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; chuyển mạnh từ chức năng “quản lý” sang “phục vụ”; tách bạch giữa chức năng quản lý với chức năng kinh tế. Xây dựng hệ thống hành chính hợp lý, vận hành thông suốt. Tổ chức tốt cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có cơ cấu hợp lý, đủ trình độ, phẩm chất đạo đức, năng lực thi hành công vụ, có khả năng hội nhập, có bản lĩnh chính trị, tận tụy phục vụ nhân dân. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp hành chính cho cán bộ, công chức, viên chức, đi đôi với siết chặt kỷ cương, kỷ luật, nhất là những người thường xuyên tiếp xúc với người dân, doanh nghiệp, công chức. Thực hiện hiệu quả việc đo lường mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước và trong thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại các cơ quan, địa phương.

Thực hiện tốt nhiệm vụ cải cách tư pháp; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra để giữ vững kỷ cương, kỷ luật; giải quyết kịp thời khiếu nại, tố cáo; thực hiện nghiêm túc công tác tiếp công dân. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp về phòng chống tham nhũng và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

10. Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và kinh tế đối ngoại

Tiếp tục thực hiện đồng bộ, có hiệu quả hoạt động đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại Nhân dân. Tăng cường quan hệ hữu nghị đặc biệt với các tỉnh của nước bạn Lào có chung biên giới. Củng cố và phát triển các quan hệ hữu nghị, hợp tác có chiều sâu, ổn định, bền vững, hiệu quả, tạo sự tin cậy lẫn nhau giữa các địa phương, các doanh nghiệp của tỉnh với các đối tác nước ngoài. Đổi mới phương thức liên kết, phối hợp với các tỉnh trong khu vực và các địa phương trên Hành lang kinh tế Đông - Tây trên nguyên tắc đồng thuận, hợp tác cùng có lợi

nhằm khai thác tốt tiềm năng và thế mạnh của từng địa phương. Đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư nước ngoài, viện trợ phi chính phủ.

Tăng cường tiếp xúc, quảng bá hình ảnh, giới thiệu tiềm năng, thế mạnh của tỉnh với các cơ quan đại diện nước ngoài, các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ và nhà đầu tư nước ngoài. Tranh thủ sự ủng hộ và phối hợp chặt chẽ với các cơ quan đại diện ngoại giao và thương mại, đầu tư Việt Nam ở nước ngoài để thúc đẩy và khai thông cầu nối với các nhà đầu tư tiềm năng. Thiết lập quan hệ hữu nghị, hợp tác với các tỉnh, thành phố nước ngoài có nhiều điểm tương đồng với tỉnh và có tiềm năng, lợi thế khác biệt trong việc hợp tác phát triển kinh tế.

11. Tăng cường tiềm lực quốc phòng - an ninh, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội

Đảm bảo sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp của Đảng, sự quản lý tập trung, thống nhất của Nhà nước đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và sự nghiệp quốc phòng, an ninh. Quán triệt và triển khai thực hiện có hiệu quả đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh. Tiếp tục tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI về “Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”, Nghị quyết số 28-NQ/TW của Bộ Chính trị về “Xây dựng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành khu vực phòng thủ vững chắc trong tình hình mới”, các Nghị quyết, kết luận của Bộ Chính trị về Chiến lược quốc phòng Việt Nam, Chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia, Chiến lược an ninh mạng quốc gia, Chiến lược bảo vệ biên giới quốc gia...

Huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, tập trung xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh; thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, “thế trận lòng dân” vững chắc. Chủ động phòng ngừa, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch. Tập trung xây dựng và củng cố tiềm lực quốc phòng, an ninh; kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với quốc phòng, an ninh. Đầu tư xây dựng một số công trình trọng điểm trong khu vực phòng thủ. Tăng cường công tác bảo vệ chủ quyền biên giới, biển, đảo; chủ động chuẩn bị lực lượng, phương tiện và phương án ứng phó với những tình huống phức tạp trên Biển Đông; bảo vệ ngư dân khai thác ngư trường thuộc vùng biển chủ quyền quốc gia. Nâng cao chất lượng xây dựng cơ sở xã, phường, thị trấn vững mạnh toàn diện, cụm xã, phường, thị trấn an toàn làm chủ. Bảo vệ an toàn các mục tiêu quan trọng về chính trị, kinh tế, quốc phòng - an ninh.

Thực hiện có hiệu quả Chương trình quốc gia về phòng chống tội phạm, Chiến lược quốc gia phòng chống kiểm soát ma túy; Triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp về phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm. Chủ động nắm tình hình, giải quyết tốt những phức tạp từ cơ sở, không để hình thành “điểm nóng”, không

để xảy ra đột xuất, bất ngờ. Tăng cường công tác bảo đảm an ninh chính trị nội bộ, an ninh văn hoá - tư tưởng, an ninh kinh tế, an ninh xã hội; đảm bảo trật tự, an toàn giao thông; bảo vệ tuyệt đối an toàn các sự kiện chính trị, xã hội, các mục tiêu trọng điểm. Chủ động đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, không để hình thành tội phạm có tổ chức, tội phạm hoạt động theo kiểu “xã hội đen”. Thực hiện đồng bộ các giải pháp hạn chế phát sinh khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp, kéo dài, vượt cấp.

Xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại. Xây dựng cơ quan quân sự, công an, bộ đội biên phòng các cấp vững mạnh toàn diện, đảm bảo tham mưu thực hiện tốt nhiệm vụ quân sự quốc phòng, an ninh. Xây dựng lực lượng dự bị động viên, dân quân tự vệ, công an xã, bảo vệ dân phố, tổ chức quần chúng tự quản về an ninh trật tự đủ số lượng, nâng cao chất lượng, sẵn sàng chiến đấu và giành thắng lợi trong mọi tình huống. Hàng năm, thực hiện đạt 100% chỉ tiêu giao quân; huy động lực lượng dự bị động viên đạt trên 95%; xây dựng lực lượng công an xã, phường, thị trấn vững mạnh, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ ổn định đạt 1,5% dân số; 100% xã, phường, thị trấn trọng điểm về quốc phòng, an ninh tổ chức tiêu đội dân quân thường trực hoạt động có hiệu quả. Có kế hoạch chủ động huy động lực lượng vũ trang thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ, hỗ trợ nhân dân phòng, tránh và khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh. Triển khai thực hiện Đề án “xây dựng Hải đội dân quân thường trực tham gia bảo vệ chủ quyền biển, đảo trong tình hình mới”, Đề án “xây dựng chốt dân quân thường trực biên giới đất liền đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ biên giới đất liền trong tình hình mới”. Tổ chức thành công các cuộc diễn tập khu vực phòng thủ, diễn tập phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, cứu hộ, cứu nạn. Quan tâm thực hiện tốt chính sách quân đội và hậu phương quân đội.

Thực hiện tốt công tác đối ngoại quốc phòng - an ninh, đặc biệt là quan hệ hợp tác, hữu nghị giữa lực lượng vũ trang Quảng Trị với lực lượng vũ trang các tỉnh Salavan và Savannakhet của nước bạn Lào có chung đường biên giới nhằm đảm bảo an ninh quốc gia, phòng chống tội phạm, góp phần xây dựng tuyến biên giới Việt - Lào hòa bình, hữu nghị, ổn định và phát triển.

12. Tiếp tục phát huy dân chủ, sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân thông qua vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội

Tăng cường vai trò, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân. Chú trọng công tác tuyên truyền, vận động nhằm tăng cường, củng cố niềm tin vững chắc của đoàn viên, hội viên và Nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước. Tiếp tục đổi

mới nội dung, phương thức hoạt động theo hướng sát dân, hướng về cơ sở, thực sự là cầu nối, trung tâm đoàn kết, phát huy dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giám sát, phản biện xã hội, góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền của mặt trận, các đoàn thể chính trị - xã hội và kết quả giải quyết các kiến nghị sau giám sát.

Phát huy vai trò liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của Mặt trận Tổ quốc và các thành viên, củng cố vững chắc khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Tiếp tục mở rộng và đa dạng hóa các hình thức vận động, tập hợp, đoàn kết đồng bào các dân tộc thiểu số, già làng, trưởng bản, người có uy tín, chức sắc, chức việc tôn giáo, các cá nhân tiêu biểu, người có uy tín trong cộng đồng dân cư, kiều bào ở nước ngoài, con em người Quảng Trị trên cả nước. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư cộng đồng, xây dựng và củng cố các tổ hòa giải cơ sở, thực hiện dân chủ, giảm thiểu mâu thuẫn, tranh chấp từ cơ sở. Tiếp tục duy trì hiệu quả việc kêu gọi, vận động, quyên góp xây dựng Quỹ “*Vì người nghèo*”, hỗ trợ Nhân dân gặp hoạn nạn, khó khăn, xây dựng “*nhà tình nghĩa*”, ủng hộ các đối tượng yếu thế trong xã hội, góp phần bảo đảm an sinh xã hội trên địa bàn.

Nâng cao chất lượng giáo dục ý thức giai cấp, bản lĩnh chính trị, trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, kỷ luật lao động, tác phong công nghiệp, ý thức phấn đấu vươn lên của giai cấp công nhân trong điều kiện phát triển kinh tế tri thức, hội nhập quốc tế và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Tổ chức công đoàn chú trọng theo dõi, giám sát công tác quản lý nhà nước về lao động, chăm lo đời sống, việc làm, thực hiện các chế độ, chính sách và nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho người lao động. Thực hiện tốt công tác phát triển đoàn viên, thành lập công đoàn cơ sở ở khu vực doanh nghiệp.

Phát huy vai trò nòng cốt của nông dân trong quá trình phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới. Xây dựng giai cấp nông dân đáp ứng yêu cầu thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Đẩy mạnh phong trào “*Nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững*” gắn với xây dựng, nhân rộng các mô hình kinh tế hiệu quả cao, tạo chuỗi giá trị sản phẩm hàng hóa trong sản xuất nông nghiệp, góp phần nâng cao chất lượng đời sống dân cư nông thôn, giảm nghèo bền vững.

Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, bồi dưỡng chính trị, lý tưởng cách mạng, lòng yêu nước, hoài bão, khát vọng vươn lên, xây dựng đạo đức, lối sống lành mạnh, ý thức chấp hành pháp luật trong thế hệ trẻ. Tạo điều kiện môi trường thuận lợi cho thế hệ trẻ học tập, nghiên cứu, lao động, cống hiến, giải trí, phát triển tài năng, trí tuệ, xung kích sáng tạo làm chủ khoa học công nghệ và khởi nghiệp. Phát huy vai trò nòng cốt của tổ chức Đoàn trong tập hợp đoàn kết rộng rãi

thanh, thiếu niên xây dựng quê hương; tích cực tham gia thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, bảo đảm an ninh trật tự; phối hợp với các ban, ngành, địa phương tuyên truyền, vận động, giáo dục hỗ trợ thanh, thiếu niên chậm tiến, vi phạm pháp luật, nhất là tội phạm và tệ nạn ma túy.

Chăm lo nâng cao trình độ, kỹ năng và đời sống vật chất, tinh thần cho phụ nữ, thực hiện tốt bình đẳng giới, tạo điều kiện để phụ nữ phát triển tài năng, vai trò, trách nhiệm của mình trong gia đình và xã hội; bảo đảm tỉ lệ cán bộ nữ tham gia cấp ủy, chính quyền các cấp. Các cấp hội phụ nữ cần tăng cường tuyên truyền, vận động phụ nữ tham gia giúp nhau phát triển sản xuất, kinh doanh, xóa đói, giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh. Khuyến khích, hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp, tiếp cận với khoa học công nghệ, thành lập các mô hình kinh tế do phụ nữ làm chủ. Kiên quyết đấu tranh, xử lý nghiêm theo pháp luật các tệ nạn xã hội, các hành vi bạo lực, buôn bán, xâm hại nhân phẩm phụ nữ và trẻ em gái.

Nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội Cựu chiến binh các cấp; cựu chiến binh, cựu quân nhân rèn luyện, giữ vững và phát huy bản chất, truyền thống “*Bộ đội Cụ Hồ*”; đoàn kết tập hợp các thế hệ cựu chiến binh, cựu quân nhân vào tổ chức hội, câu lạc bộ, ban liên lạc truyền thống, tích cực tham gia xây dựng và bảo vệ Đảng, chính quyền, nhân dân, bảo vệ nền tảng tư tưởng, đấu tranh với các quan điểm sai trái, thù địch. Động viên cựu chiến binh giúp nhau phát triển kinh tế, giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống cho cán bộ, hội viên. Tích cực tham gia giáo dục truyền thống các mạng cho thế hệ trẻ; đấu tranh phòng, chống các biểu hiện tiêu cực, tham nhũng, tệ nạn xã hội, tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh.

Quan tâm tạo điều kiện thuận lợi cho các hội thành viên của Hội Văn học - Nghệ thuật, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật và các tổ chức thành viên xây dựng tổ chức, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động; phát huy vai trò tư vấn, phản biện, năng lực sáng tạo văn học nghệ thuật, khoa học công nghệ đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh.

Các tổ chức hội quần chúng tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, đáp ứng nhu cầu và nguyện vọng chính đáng của hội viên và nhân dân. Tiếp tục thực hiện đúng nguyên tắc tự nguyện, tự quản, tự bảo đảm kinh phí hoạt động, tuân thủ pháp luật và Điều lệ Hội.

Phát huy tốt vai trò của đội ngũ doanh nhân để đóng góp nhiều công sức, trí tuệ trong xây dựng quê hương. Tạo điều kiện phát triển, nâng cao chất lượng, trình độ quản lý, kinh doanh, đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội và tiềm năng, vai trò của đội ngũ doanh nhân tinh nhà.

Tăng cường đoàn kết, bình đẳng, giải quyết tốt mối quan hệ giữa các dân tộc,

giúp nhau tạo chuyển biến rõ rệt trong phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, xây dựng nông thôn mới, không ngừng cải thiện đời sống vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Quan tâm tạo điều kiện để các tôn giáo trên địa bàn sinh hoạt theo hiến chương, điều lệ của tổ chức tôn giáo được pháp luật quy định; chủ động phòng ngừa, đấu tranh những hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo, dân chủ, nhân quyền để chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc và tiến hành các hoạt động tín ngưỡng trái quy định pháp luật.

13. Tăng cường xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh toàn diện

13.1. Nâng cao hiệu quả công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức

Tập trung đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị tư tưởng nhằm củng cố và tăng cường sự thống nhất về tư tưởng, chính trị trong Đảng bộ, sự đồng thuận trong Nhân dân. Nâng cao bản lĩnh chính trị, trí tuệ, tính chiến đấu của toàn Đảng bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, người đứng đầu của từng cấp ủy địa phương, đơn vị. Tập trung lãnh đạo cụ thể hóa, thể chế hóa Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, trong đó, chú trọng phát huy năng lực của các cấp ủy đảng trong việc quán triệt, vận dụng chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng sát đúng với tình hình địa phương, đơn vị và chủ động, sáng tạo trong lãnh đạo tổ chức thực hiện; khắc phục tình trạng tổ chức thực hiện nghị quyết là "khâu yếu", chưa thật sự hiệu quả trong từng địa phương, đơn vị.

Thường xuyên đổi mới nội dung, phương thức hoạt động và nâng cao hiệu quả công tác tư tưởng, công tác tuyên truyền, báo chí - xuất bản, văn hoá - văn nghệ, khoa giáo, lịch sử Đảng. Cập nhật kiến thức mới cho cán bộ, đảng viên, cán bộ lãnh đạo quản lý các cấp theo hướng nâng cao chất lượng, chú trọng hiệu quả, phù hợp với từng đối tượng; gắn lý luận với thực tiễn sinh động. Chú trọng giáo dục lý luận chính trị đối với thế hệ trẻ. Phát huy sức mạnh của các lực lượng, binh chủng tuyên giáo để nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, tăng cường thông tin tích cực. Tiếp tục đổi mới hoạt động kỷ niệm các ngày lễ, ngày truyền thống theo hướng thiết thực, hiệu quả.

Chủ động nắm chắc và dự báo sát đúng tình hình tư tưởng, dư luận và tâm trạng xã hội; kịp thời xử lý thông tin và định hướng tư tưởng, dư luận gắn với giải quyết tốt các vấn đề bức xúc của Nhân dân, các vấn đề nhạy cảm, phức tạp phát sinh, đảm bảo thống nhất tư tưởng trong Đảng và đồng thuận xã hội. Đảm bảo thực hiện hiệu quả công tác chỉ đạo, định hướng hoạt động báo chí, xuất bản; quan tâm phát triển văn học, nghệ thuật, góp phần định hướng tư tưởng và giáo dục thẩm mỹ, tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, tạo không gian, môi trường động viên, lan tỏa cái đẹp, cái tốt trong xã hội, trong nội bộ Đảng; quan tâm đầu tư xây dựng cơ chế, chính sách phát triển, phát huy đội ngũ trí thức,

văn nghệ sĩ đóng góp vào sự phát triển của tỉnh.

Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; thực hiện hiệu quả việc đấu tranh phân bác các quan điểm sai trái, thông tin xấu, độc của các đối tượng suy thoái, thế lực thù địch, phản động trên mặt trận tư tưởng, truyền thông, internet, mạng xã hội; xử lý nghiêm các vi phạm.

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI và Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng gắn với đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, thực hiện tốt Quy định của Trung ương, của Tỉnh ủy về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu, cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp. Đẩy mạnh giáo dục đạo đức cách mạng, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ; xử lý nghiêm những hành vi vi phạm đạo đức lối sống. Kết hợp giữa giáo dục với tăng cường kỷ luật Đảng; thực hiện nghiêm cơ chế kiểm tra, giám sát của tổ chức đảng, giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội về đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên. Giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận trong Nhân dân, tạo sự ổn định để phát triển.

13.2. Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Chủ động rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định của cấp ủy, chính quyền địa phương về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, tổ chức khắc phục tình trạng chồng chéo, trùng lặp hoặc bỏ sót, đảm bảo đồng bộ, thống nhất và đúng quy định, hướng dẫn của cấp trên. Hoàn thành sắp xếp, kiện toàn các cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND cấp tỉnh và cấp huyện, tinh gọn đầu mối bên trong của từng cơ quan, tổ chức gắn với tinh giản biên chế. Thực hiện nghiêm túc chủ trương giảm và không thành lập mới các tổ chức trung gian; sắp xếp lại hoặc giải thể các tổ chức hoạt động không hiệu quả. Đẩy mạnh tinh giản biên chế gắn với nâng cao chất lượng và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ công chức, viên chức theo vị trí việc làm.

13.3. Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên

Tập trung củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng; xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh; kiện toàn các tổ chức cơ sở đảng, yếu kém; xử lý nghiêm những tổ chức cơ sở đảng vi phạm. Tiếp tục kiện toàn tổ chức cơ sở đảng phù hợp với tiến trình sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng ở cơ sở. Chỉ đạo các tổ chức đảng xây dựng và thực hiện nghiêm túc quy chế làm việc của cấp ủy các cấp.

Tập trung nâng cao bản lĩnh chính trị, năng lực lãnh đạo tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước cho đội ngũ cấp ủy viên, nhất là đồng chí bí thư cấp ủy. Phát huy vai trò, trách nhiệm của cấp ủy viên các cấp đối với việc đổi mới, nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ.

Thực hiện tốt công tác quản lý đảng viên; nâng cao chất lượng kết nạp đảng viên mới; đẩy mạnh phát triển tổ chức đảng và đảng viên trong các thôn, bản, doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp ngoài nhà nước. Thường xuyên rà soát, sàng lọc đội ngũ đảng viên; kiên quyết, kịp thời đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng.

13.4. Đẩy mạnh xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt, người đứng đầu; làm tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ

Quán triệt và nghiêm túc thực hiện quan điểm Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và trực tiếp quản lý đội ngũ cán bộ, đi đôi với phát huy quyền và trách nhiệm của các tổ chức trong hệ thống chính trị và người đứng đầu về công tác cán bộ. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là người đứng đầu đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; chú trọng cơ cấu hợp lý cán bộ trẻ, nữ, người dân tộc thiểu số; đảm bảo sự chuyển tiếp liên tục, vững vàng giữa các thế hệ cán bộ; tạo môi trường, thúc đẩy đổi mới, sáng tạo, khuyến khích, bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám đột phá, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

Tiếp tục phân công, phân cấp hợp lý; đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác cán bộ; siết chặt kỷ luật, kỷ cương, kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện các quy trình trong công tác cán bộ. Thực hiện đồng bộ các khâu trong công tác cán bộ; cụ thể hóa tiêu chuẩn chức danh; đưa công tác đánh giá cán bộ đi vào thực chất hơn, lấy hiệu quả công việc, công trình, sản phẩm cụ thể làm thước đo đánh giá cán bộ; làm tốt hơn nữa công tác quy hoạch cán bộ. Nâng cao chất lượng công tác đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng cán bộ, thực hiện nghiêm chế độ học tập, bồi dưỡng lý luận chính trị, nhất là đối với cán bộ trẻ được đào tạo ở nước ngoài, quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện lớp cán bộ kế cận. Mở rộng việc thi tuyển để bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp sở, phòng. Tiếp tục đẩy mạnh công tác luân chuyển gắn với mục tiêu bố trí một số chức danh không phải là người địa phương.

Tiếp tục quán triệt và thực hiện nghiêm quy định của Bộ Chính trị “Một số vấn đề bảo vệ chính trị nội bộ Đảng”. Tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ, gắn công tác bảo vệ chính trị nội bộ với công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Tập trung rà soát, thẩm tra tiêu chuẩn chính trị đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp; nắm tình hình và giải quyết đúng đắn, hiệu quả vấn đề chính trị hiện nay, nhất là vấn đề “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong cán bộ, đảng viên.

13.5. Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng

Tiếp tục chỉ đạo triển khai quán triệt sâu rộng và thực hiện nghiêm Điều lệ Đảng, các nghị quyết, chỉ thị, quy định, hướng dẫn của Đảng, của cấp ủy về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng, từ đó, nâng cao nhận thức của cấp ủy, tổ chức đảng và toàn thể cán bộ, đảng viên về công tác kiểm tra và thi hành kỷ luật Đảng.

Xây dựng và chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc xây dựng và tổ chức thực hiện tốt chương trình kiểm tra, giám sát toàn khoá và hàng năm đảm bảo khoa học, theo đúng phương châm “Giám sát phải mở rộng, kiểm tra có trọng tâm, trọng điểm”; phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của từng địa phương, đơn vị, tránh chồng chéo, trùng lặp. Tăng cường giám sát việc khắc phục những sai phạm sau kết luận kiểm tra, phúc tra. Đẩy mạnh tự kiểm tra, phát hiện và xử lý vi phạm của các cấp ủy, tổ chức đảng. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của các cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy.

Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng của cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp. Mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát của cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp, coi trọng giám sát theo chuyên đề, tập trung kiểm tra giám sát ở những lĩnh vực, địa bàn dễ xảy ra tiêu cực. Chủ động nắm chắc tình hình hoạt động của cấp ủy, tổ chức đảng, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo quản lý và người đứng đầu các cấp để phát hiện sớm, ngăn ngừa các vi phạm. Tập trung đẩy mạnh việc kiểm tra đảng viên và tổ chức đảng khi có dấu hiệu vi phạm. Kiên quyết xử lý và chỉ đạo xử lý nghiêm minh các trường hợp đảng viên, tổ chức đảng vi phạm; công khai kết quả xử lý. Tập trung giải quyết đúng quy định và dứt điểm các đơn thư tố cáo, khiếu nại liên quan tổ chức đảng, đảng viên.

Phát huy sức mạnh của hệ thống chính trị tham gia công tác kiểm tra, giám sát; nâng cao chất lượng phối hợp giữa ủy ban kiểm tra cấp ủy với tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị liên quan trong công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật Đảng. Tăng cường phối hợp giữa kiểm tra, giám sát của Đảng với thanh tra, giám sát của Nhà nước và giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội.

Thường xuyên kiện toàn, củng cố bộ máy ủy ban kiểm tra và cơ quan ủy ban kiểm tra các cấp. Xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra có bản lĩnh chính trị vững vàng, trong sạch, công tâm, giỏi nghiệp vụ, ngang tầm với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

13.6. Tăng cường công tác nội chính, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực

Tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, trách nhiệm về lĩnh vực nội chính, cải cách tư pháp và phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

Siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong Đảng và các cơ quan nhà nước trong mọi hoạt động. Tổ chức thực hiện nghiêm các quy định về phòng, chống tham nhũng, nhất là các quy định về công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương; kiểm soát có hiệu quả tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý. Phát huy hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát và thanh tra; tăng cường công tác phối hợp giữa các cơ quan nội chính trong việc phát hiện, xử lý tham nhũng, lãng phí. Tăng cường giám sát của Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội trong công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

Quán triệt và thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 26-CT/TW, ngày 9/11/2018 của Bộ Chính trị khóa XII về “*Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các cơ quan bảo vệ pháp luật trong công tác điều tra, xử lý các vụ án, vụ việc*”. Nâng cao chất lượng công tác điều tra, xử lý các vụ án, vụ việc, đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Chỉ đạo thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo tinh thần Chỉ thị số 35-CT/TW, ngày 26/5/2014 của Bộ Chính trị và Quy định số 11-QĐi/TW, ngày 18/02/2019 của Ban Bí thư; xử lý, giải quyết dứt điểm các vụ việc tồn đọng, kéo dài, các vụ khiếu kiện đông người, phức tạp.

Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với các cơ quan tư pháp. Cùng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực, trình độ, phẩm chất đạo đức của đội ngũ cán bộ tư pháp đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ theo tinh thần cải cách tư pháp.

13.7. Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác dân vận, tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân

Tăng cường công tác quán triệt, tuyên truyền các quan điểm, chủ trương của Đảng, tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của công tác dân vận gắn với nâng cao chất lượng tổng kết thực tiễn, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức, hành động, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức Đảng, cả hệ thống chính trị, cán bộ, đảng viên và Nhân dân về công tác dân vận trong tình hình mới.

Chú trọng đẩy mạnh công tác dân vận ở các cơ quan nhà nước các cấp gắn với xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. Thực hiện có hiệu quả phong trào thi đua “Dân vận khéo”; chống các biểu hiện dân chủ cực đoan, dân chủ hình thức, mị dân. Thực hiện đối thoại, tiếp xúc với Nhân dân, sâu sát cơ sở, lắng nghe tâm tư, kịp thời giải quyết kiến nghị chính đáng, hợp pháp và các vấn đề bức xúc liên quan đến đời sống nhân dân. Thực hiện tốt các quy định về dân chủ ở cơ sở.

Chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác dân vận ở vùng đồng bào

dân tộc thiểu số, đồng bào tôn giáo; tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò lực lượng chính trị nòng cốt, cốt cán trong tôn giáo, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số.

Tăng cường phối hợp, thực hiện Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị tỉnh; phối hợp giữa chính quyền, các cơ quan, tổ chức với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp. Nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp. Tích cực đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng về công tác dân vận.

13.8. Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong Đảng

Đổi mới phương thức lãnh đạo của các cấp ủy theo hướng nâng cao tính khả thi trong ban hành nghị quyết để lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện; chú trọng đến việc cân đối các nguồn lực để triển khai thực hiện có hiệu quả. Nâng cao năng lực tham mưu của các ban xây dựng đảng, năng lực lãnh đạo của đảng đoàn, ban cán sự đảng. Chỉ đạo, lãnh đạo chính quyền thể chế hóa các chủ trương, nghị quyết của Đảng thành cơ chế, chính sách để đưa nghị quyết vào cuộc sống. Thường xuyên đôn đốc, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc thực hiện các chủ trương của Đảng.

Thực hiện đúng nguyên tắc về nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị; thực hiện tốt nguyên tắc Đảng lãnh đạo nhưng không bao biện, làm thay. Xây dựng và thực hiện nghiêm quy chế làm việc của cấp ủy. Thực hiện dân chủ trong Đảng gắn với thực hiện cơ chế kiểm soát quyền lực, phòng chống chạy chức chạy quyền. Giữ gìn đoàn kết trong cấp ủy.

Nêu cao vai trò, trách nhiệm cá nhân, trước hết là người đứng đầu cấp ủy; tiếp tục thực hiện chủ trương ký cam kết trách nhiệm người đứng đầu, góp phần nâng cao hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành. Đẩy mạnh cải cách hành chính trong Đảng, ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong hoạt động lãnh đạo, điều hành của cấp ủy và các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy.

*

Nhiệm kỳ qua, Đảng bộ, quân và dân tỉnh Quảng Trị đã vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, đạt được những kết quả quan trọng, toàn diện, rất đáng ghi nhận. Kế thừa và phát huy những thành quả sau 30 năm tái lập tỉnh và nhiệm kỳ Đại hội XVI, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII khẳng định ý chí, nguyện vọng của toàn đảng bộ và Nhân dân tỉnh nhà, quyết tâm giữ vững đoàn kết, kiên trì đổi mới, sáng tạo, chung sức, đồng lòng vượt qua mọi khó khăn, thách thức, thực hiện thắng lợi những mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ chính trị mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025 đã đề ra, xây dựng tỉnh Quảng Trị ngày càng phát triển, giàu đẹp.

- BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH KHÓA XVI -**CÁC NỘI DUNG CHÚ THÍCH
KÈM THEO DỰ THẢO BÁO CÁO CHÍNH TRỊ**

¹ Cao hơn Quảng Bình và Thừa Thiên Huế: Tổng sản phẩm bình quân 05 năm 2016 – 2020 Quảng Bình đạt 6,83%, tăng 0,38 điểm % so với nhiệm kỳ trước; Thừa Thiên Huế đạt 7,14%, tăng 1,02 điểm % so với nhiệm kỳ trước.

² Cao hơn GRDP bình quân đầu người của Quảng Bình và Thừa Thiên Huế: Quảng Bình 47,9 triệu đồng/năm; Thừa Thiên Huế 51,3 triệu đồng/năm

³ Các chỉ tiêu cơ bản nêu trên, mặc dù có nhiều nỗ lực cố gắng nhưng vẫn chưa đạt chỉ tiêu của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, có cao hơn hai tỉnh lân cận Quảng Bình và Thừa Thiên Huế. Chỉ tiêu của Nghị quyết XVI đề ra: Tổng sản phẩm trên địa bàn tính bình quân 5 năm 2016 - 2020 đạt 7,5 – 8%; GRDP bình quân đầu

người đạt 68 triệu đồng, gấp 2 lần so với năm 2015; Tỷ trọng phi nông nghiệp đạt 81,5%; nông nghiệp đạt 18,5%.

⁴ Nếu tính theo số xã sau sắp xếp: Sau sắp xếp, toàn tỉnh còn 101 xã; có 57 – 58 xã/101 xã đạt chuẩn nông thôn mới, đạt tỷ lệ 56,4%.

⁵ Xã Cam Chính, xã Vĩnh Thủy, xã Vĩnh Kim

⁶ Huyện Cam Lộ

⁷ Đầu nhiệm kỳ, tổng công suất phát điện là 100,9 MW; đến năm 2020, tổng công suất phát điện là 377 MW, trong đó, thủy điện là 167,5MW; điện gió 60 MW, điện mặt trời 149,5MW.

⁸ Tỷ lệ dân số thành thị được cung cấp nước sạch năm 2020 ước đạt 95%; sản lượng xi măng năm 2020 ước đạt 340.000 tấn, tăng 5%; sản lượng gạch xây ước đạt 230 triệu viên, tăng 11%; sản lượng đá xây dựng ước đạt 1,2 triệu m³, tăng 20% và sản lượng nước máy ước đạt là 13 triệu m³, tăng 2%.

⁹ Chỉ tiêu Nghị quyết XVI là: Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 5 năm 2016 - 2020 đạt 18.000 - 19.000 tỷ đồng, tốc độ tăng thu nội địa bình quân hàng năm là 15%;

¹⁰ Thời gian xử lý hồ sơ thành lập doanh nghiệp chỉ còn bình quân là 1,7 ngày (rút ngắn thời gian 1,3 ngày so với quy định của Luật Doanh nghiệp); rút ngắn thời gian cấp quyết định chủ trương đầu tư từ 35 ngày xuống còn 10-15 ngày; thời gian thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường từ 50 ngày xuống còn 40 ngày; rút ngắn thời gian thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược từ 45 ngày xuống còn 30 ngày.

¹¹ Đến nay, toàn tỉnh có 322 HTX, 01 Liên hiệp HTX. Doanh thu bình quân 998 triệu đồng/HTX, lợi nhuận bình quân 114 triệu đồng/HTX, tỷ suất lãi (lãi/vốn) của HTX đạt từ 8 - 12%/năm.

¹² Cầu sông Hiếu, cầu thứ 2 qua sông Thạch Hãn, cầu nối Mỏ Ó - Triệu Nguyên, Đường cao tốc Cam Lộ - La Sơn (đoạn qua địa bàn tỉnh), đường tránh thành phố Đông Hà về phía Đông, Đường Sa Trầm - Palin, trục đường trung tâm Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị ...

¹³ Tiếp tục hoàn thiện Nhà Văn hóa trung tâm tỉnh, Bệnh viện đa khoa tỉnh, Phân hiệu Đại học Huế, Nhà văn hóa Trung tâm thành phố, Trung tâm Thể dục thể thao thành phố, Trường Ischool; nâng cấp và xây dựng mới các trung tâm TDTT, nhà văn hóa khu phố và các thiết chế văn hóa khác.

¹⁴ Đảm bảo tưới chủ động cho 85% diện tích lúa 02 vụ, tiêu úng cho 7.500 ha, cấp nước cho 1975ha nuôi trồng thủy sản; ngăn mặn, ngăn lũ cho 13.000 ha.

¹⁵ Triển khai lập Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Quảng Trị đến năm 2025, định hướng đến 2035 và Đề án thành lập hành lang bảo tồn đa dạng sinh học Đakrông - Hướng Hoá. Hoàn thành dự án Bảo tồn hành lang đa dạng sinh học tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng giai đoạn 2 với các nhiệm vụ: Phê duyệt Đề án thí điểm thành lập hành lang đa dạng sinh học kết nối khu bảo tồn thiên nhiên Đakrông và Khu bảo tồn thiên nhiên Bắc Hướng Hoá; Giao rừng cộng đồng gắn với giao đất lâm nghiệp cho 10 thôn với tổng diện tích 3.313,5 ha. Hoàn thành công tác trồng rừng phục hồi 1.488,8 ha, lâm sản ngoài gỗ: 956 ha, khoanh nuôi tái sinh tự nhiên: 110,6 ha, trồng rừng sinh kế: 356,3 ha

¹⁶ Dự án "Phục hồi và phát triển bền vững hệ sinh thái rừng ngập mặn gắn liền với sinh kế bền vững tại khu vực hạ lưu sông Bến Hải, sông Thạch Hãn nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu"; Dự án "Trồng rừng chống xói mòn trên cát tỉnh Quảng Trị"; dự án: "Trồng rừng ngập mặn tại phường Đông Giang, thành phố Đông Hà và xã Triệu Độ, huyện Triệu Phong",...

¹⁷ Như tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị đạt 97%; tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt nông thôn đạt 50%; tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 94,5%; tỷ lệ dân cư thành thị sử dụng nước sạch đạt 95%.

¹⁸ Năm 2016, sáp nhập trung tâm dạy nghề, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm tổng hợp – hướng nghiệp công lập cấp huyện thành trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên; từ năm 2015 đến 2019, triển khai việc sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh, giảm 96 trường học.

¹⁹ Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 16 trường mầm non, 02 trường phổ thông đa cấp, 02 trường trung cấp chuyên nghiệp dân lập, tư thục và hàng nghìn nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập, tư thục (tăng 08 trường tư thục so với nhiệm kỳ trước).

²⁰ Từ năm 2015 đến 2019, tỉnh Quảng Trị có học sinh đạt 05 giải khu vực và quốc tế (01 huy chương Bạc tại Kỳ thi Olympic Toán học Singapore và Châu Á - SASMO 2017; 01 giải Ba quốc tế Cuộc thi Khoa học kỹ thuật do Intel ISEF 2017; 01 huy chương Bạc và 01 huy chương Đồng tại Kỳ thi Olympic Hình học Iran mở rộng năm 2018; 01 huy chương Bạc môn Tin học Olympic Châu Á – Thái Bình Dương; 04 học sinh lọt vào chung kết đường lên đỉnh Olimpia (trong đó, đạt 02 giải quán quân, 01 giải á quân, 01 đang chuẩn bị các thủ tục để dự thi vào tháng 11/2020).

²¹ Đến 2020, toàn ngành y tế của tỉnh có trên 3.250 cán bộ y tế, trong đó có trên 630 bác sỹ, đạt 10 bác sỹ/vạn dân; số xã có bác sỹ đạt 90%, 100% xã có nữ hộ sinh trung học trở lên, 100% thôn bản có nhân viên y tế được đào tạo cơ bản. Số giường bệnh/vạn dân đạt 30 giường, cao hơn mức bình quân chung của cả nước.

²² Lễ hội "Thống nhất non sông", "Nhịp cầu Xuyên Á", "Hoa đăng trên dòng Thạch Hãn"...

²³ Tính đến cuối năm 2019, toàn tỉnh có 142.723/167.693 gia đình được công nhận gia đình văn hóa đạt tỷ lệ 92,1%; 789/799 làng, bản, khu phố được công nhận văn hóa, đạt tỷ lệ 98,7%; 981/1044 cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn đơn vị văn hóa đạt tỷ lệ 93,9%; 13/13 phường đã đăng ký phát động "Phường đạt chuẩn văn minh đô thị", 11/11 thị trấn trong toàn tỉnh đăng ký phát động "Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị"; trong đó có 9/24 thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị, đạt tỷ lệ 37,5%; có 64/117 xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới, đạt tỷ lệ 54,7%.

²⁴ Đến nay hệ thống gửi nhận văn bản qua mạng, hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc, hệ thống thư điện tử công vụ, hệ thống một cửa điện tử được triển khai tại 100% cơ quan nhà nước.

²⁵ Đã cung cấp 426 dịch vụ công trực tuyến mức độ 1; 1.274 dịch vụ công trực tuyến mức độ 2 và 283 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 91 dịch vụ công mức độ 4.

²⁶ Giai đoạn 2017-2018, giải quyết việc làm cho lao động vùng biển 6.428 người, trong đó có 1.585 lao động xuất khẩu các nước; đã hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp lao động vùng biển cho 4.650 người, kinh phí gần 16.570 triệu đồng; hỗ trợ cho 135 lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng với kinh phí hơn 948 triệu đồng.

²⁷ Từ nhiều nguồn kinh phí khác nhau, giai đoạn 2016-2019, toàn tỉnh đã huy động được trên 36.204 triệu đồng vào Quỹ đền ơn đáp nghĩa; đã xây dựng mới 568 nhà tình nghĩa với tổng kinh phí trên 35.255 triệu đồng; hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp 72 căn nhà cho đối tượng chính sách với tổng số tiền 1.485 triệu đồng; tặng 239 sổ tiết kiệm với kinh phí 1.179 triệu đồng.

²⁸ Đến nay, tỉnh duy trì, mở rộng quan hệ hợp tác với trên 15 đơn vị hành chính đồng cấp ở nước ngoài, gần 60 tổ chức quốc tế, phi Chính phủ nước ngoài và liên Chính phủ; phát triển mối quan hệ hợp tác với trên 20 đối tác phát triển; tiếp nhận vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài từ 06 quốc gia, vùng lãnh thổ.

²⁹ Hội nghị xúc tiến đầu tư và quảng bá du lịch tỉnh Quảng Trị, Hội thảo xúc tiến đầu tư vào tỉnh Quảng Trị bên lề Hội nghị Bộ trưởng kết nối hai nền kinh tế Việt Nam - Singapore.

³⁰ Trong đó: Vốn ODA là: 4.451 tỷ đồng; NGO là: 1.840 tỷ đồng; FDI là: 1.084 tỷ đồng.

³¹ Như: WB, ADB, Nhật Bản, Hàn Quốc, MCNV, Plan Quốc tế, Tầm nhìn Thế giới, MAG, RENEW/NPA, PTVN....

³² Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; phong trào “Lao động giỏi, lao động sáng tạo”; “Nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và làm giàu bền vững”; “Thanh niên tình nguyện, sáng tạo, xung kích bảo vệ Tổ quốc và 03 chương trình đồng hành cùng với thanh niên”; “Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc”; “Cựu chiến binh giúp nhau phát triển kinh tế, giảm nghèo bền vững và làm giàu chính đáng”

³³ Trong 5 năm qua, Quỹ “Vì người nghèo” đã huy động được 98, 12 tỷ đồng, hỗ trợ xây mới 1.404 nhà đại đoàn kết cho hộ nghèo, trị giá 53,18 tỷ đồng và hỗ trợ khác

³⁴ Giải phóng mặt bằng, sự cố môi trường biển, an ninh nông thôn, an ninh tôn giáo...

³⁵ Trong 5 năm đã tổ chức 58 cuộc giám sát; tham gia phân biện 520 văn bản (luật, văn bản quy phạm pháp luật, đề án) và tổ chức 05 hội nghị; có 2693 ý kiến phân biện. Sau giám sát, phân biện đã có 2830 kiến nghị

³⁶ Thành lập 181CĐCS, kết nạp mới 12.206 đoàn viên. Có 837 chi hội Hội CCB, kết nạp 2.163 hội viên. Thành lập 41 tổ chức Đoàn thanh niên, kết nạp 1028 đoàn viên.

³⁷ Năm 2016 là năm đầu nhiệm kỳ, nhiệm vụ đặt ra phải tập trung cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, huy động mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển, Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh đã chọn chủ đề là năm “Cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư”; năm 2017, cần tập trung giải quyết khâu then chốt của nhiệm vụ then chốt là công tác cán bộ, Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh đã chọn chủ đề là năm “Công tác cán bộ”; năm 2018 tập trung cho phát triển, khởi nghiệp doanh nghiệp, Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh đã chọn chủ đề là năm “Doanh nghiệp”; năm 2019, năm nước rút trong việc tập trung thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ quan trọng mà đại hội đã đề ra, vì vậy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh chọn chủ đề “Trách nhiệm, kỷ cương, tăng tốc phát triển”; năm 2020 là năm cuối nhiệm kỳ, chọn chủ đề “Hành động quyết liệt, về đích toàn diện, tạo đà bứt phá”.

³⁸ Sau sắp xếp giảm 16 xã, còn lại 125 xã, giảm khoảng 258 cán bộ, công chức (trung bình 20 người/xã) và 227 người hoạt động không chuyên trách cấp xã (trung bình 16 người/xã)

³⁹ Sau sắp xếp giảm được 283 thôn, khu phố (thôn giảm 228, khu phố giảm 55) và 849 người hoạt động không chuyên trách ở thôn, khu phố

⁴⁰ Qua đó giảm được 23 phòng, ban, đơn vị trực thuộc, 05 cấp phó cơ quan, đơn vị, 21 cấp trưởng, 18 cấp phó các phòng, ban, đơn vị trực thuộc

⁴¹ Qua đó giảm được 21 phòng chuyên môn, 01 chi cục thuộc sở, 12 phòng chuyên môn thuộc ban, chi cục

⁴² Đối với khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, đã hoàn thành việc sắp xếp 01 đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy, 03 đơn vị sự nghiệp trực thuộc các đoàn thể cấp tỉnh. Khối Nhà nước, đã hoàn thành sáp nhập, hợp nhất 295 đơn vị, thành 141 đơn vị, giảm 154 đơn vị, chuyển đổi 48/54 đơn vị sự nghiệp do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên, sang đơn vị sự nghiệp tự chủ về chi thường xuyên

⁴³ Cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội đã thực hiện tinh giản biên chế 95 chỉ tiêu, trong đó thực hiện tinh giản theo quy định là 21 người và cắt giảm biên chế nghỉ hưu, chưa sử dụng 74 chỉ tiêu. Đối với khối Nhà nước, đã thực hiện tinh theo quy định là 55 người và cắt giảm biên chế chưa sử dụng, biên chế nghỉ hưu là 118 chỉ tiêu. Các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập tinh giản theo quy định là 481 người và cắt giảm biên chế chưa sử dụng, biên chế nghỉ hưu là 907 chỉ tiêu. Các tổ chức Hội, doanh nghiệp thực hiện tinh giản 04 chỉ tiêu theo quy định. Đơn vị hành chính cấp xã đã thực hiện tinh giản biên chế 90 chỉ tiêu theo quy định; góp phần giảm chi thường xuyên gần 100 tỷ đồng trong năm 2019.

⁴⁴ Đến nay, không có TCCSĐ bị xếp loại yếu kém/không hoàn thành nhiệm vụ 02 năm liên tục, nhiều TCCSĐ trước đây yếu kém liên tục nhiều năm nay đã vươn lên hoàn thành tốt nhiệm vụ, trong sạch vững mạnh, một

số đạt trong sạch vững mạnh tiêu biểu (Xếp loại TCCSB: - Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên: năm 2015: 94,81%, năm 2016: 93,93%, năm 2017: 90,15%, năm 2018: 92,55%; Không hoàn thành nhiệm vụ: năm 2015: 0,17%, năm 2016: 0,18%, năm 2017: 0,54%, năm 2018: 2,01%. Số TCCSB hoàn thành tốt nhiệm vụ và trong sạch, vững mạnh hàng năm đạt 92,87% (chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI đề ra từ 85 - 90%)

⁴⁵ Bình quân hằng năm kết nạp được 1.989 đảng viên (chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI đề ra từ 1.400 - 1.500 đảng viên). Từ đầu nhiệm kỳ đến 31/12/2018 đã kết nạp được 7.956 đảng viên (chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI đề ra từ 7.000 - 7.500 đảng viên); trong đó, ở các doanh nghiệp ngoài nhà nước 415 đảng viên, dân tộc thiểu số 3.498 đảng viên, tôn giáo 129 đảng viên.

⁴⁶ Đầu nhiệm kỳ số thôn bản chưa có đảng viên là: 01, chỉ bộ sinh hoạt ghép là 43; 41 thôn có từ 01 đến 02 đảng viên thì đến nay 100% thôn bản đã có đảng viên, còn 3 chỉ bộ sinh hoạt ghép; 9 thôn có 01 đến 02 đảng viên.

⁴⁷ Từ đầu nhiệm kỳ đến nay đã kỷ luật xóa tên, khai trừ ra khỏi đảng 210 đảng viên (khai trừ: 36, xóa tên: 174), nguyên nhân chủ yếu là vi phạm những điều đảng viên không được làm, bỏ sinh hoạt đảng, không đủ điều kiện chuyển đảng chính thức.

⁴⁸ Tính riêng trong 7.956 đảng viên được kết nạp từ đầu nhiệm kỳ đến 31/12/2018, đảng viên có trình độ Đại học và trên Đại học chiếm tỷ lệ bình quân hằng năm là 8,66%, nhiệm kỳ 2010 - 2015 bình quân chiếm 5,71%.

⁴⁹ Trước đây, Ban Thường vụ Tỉnh ủy phải kết luận, nhận xét, đánh giá đối với hơn 420 cán bộ thuộc diện quản lý với gần 100% cán bộ đều xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thì năm 2016 có **61/81** đồng chí hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (chiếm 74,07%), năm 2017 có **48/82** đồng chí hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (chiếm 58,53%), năm 2018 có **16/80** đồng chí hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (chiếm 20%), trong đó Ban Thường vụ Tỉnh ủy có **02/13** đồng chí xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

⁵⁰ Nhiệm kỳ 2020 - 2025: 100% các đồng chí trong quy hoạch ban chấp hành, ban thường vụ và các chức danh lãnh đạo tỉnh đều có trình độ chuyên môn đại học chính quy và trên đại học, cao cấp, cử nhân chính trị; có 42,99% các đồng chí quy hoạch cấp trưởng, cấp phó các sở, ban, ngành cấp tỉnh có trình độ đào tạo chuyên môn thực sĩ, tiến sĩ (tăng 8,15% so với nhiệm kỳ 2015-2020); trong quy hoạch ban chấp hành đảng bộ tỉnh là 49,44% (tăng 13,6% so với nhiệm kỳ 2015-2020); trong quy hoạch các chức danh lãnh đạo cấp huyện là 28,74% (tăng 9,66% so với nhiệm kỳ 2015-2020).

⁵¹ Nhiệm kỳ 2020-2025: Quy hoạch ban chấp hành đảng bộ tỉnh nữ có 26 đồng chí, chiếm 28,57% (tăng 8,77% so với nhiệm kỳ 2015-2020 và tăng 12,07% so với nhiệm kỳ 2010-2015). Quy hoạch ban thường vụ tỉnh ủy nữ có 08 đồng chí, chiếm 30,76% (tăng 13,56% so với nhiệm kỳ 2015-2020 và tăng 21,06% so với nhiệm kỳ 2010-2015). Quy hoạch ban chấp hành đảng bộ cấp huyện dân tộc thiểu số chiếm 7,63% (riêng hai huyện miền núi Hướng Hóa chiếm 41,66%, huyện Đakrông chiếm 28,37%). Quy hoạch ban thường vụ cấp ủy cấp huyện dân tộc thiểu số chiếm 8,8% (riêng hai huyện miền núi Hướng Hóa chiếm 50%, huyện Đakrông chiếm 31,81%). Quy hoạch ban chấp hành đảng bộ tỉnh dân tộc thiểu số chiếm 6,59%, quy hoạch ban thường vụ chiếm 7,69%.

⁵² Trong nhiệm kỳ, đã kiện toàn 01 Phó Bí thư, 04 ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, 09 ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; quyết định bổ nhiệm 38 đồng chí, bổ nhiệm lại 44 đồng chí cấp trưởng, cấp phó các sở, ban, ngành cấp tỉnh; chỉ định, chuẩn y 07 Bí thư, 08 Phó Bí thư cấp ủy nhiệm kỳ 2015 - 2020 và một số chức danh lãnh đạo, quản lý cấp huyện. Hiệp y bổ nhiệm 14 đồng chí, bổ nhiệm lại 19 đồng chí lãnh đạo các cơ quan ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn.

⁵³ Trong nhiệm kỳ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã quyết định luân chuyển, điều động 11 đồng chí từ cấp tỉnh về cấp huyện (05 đồng chí giữ chức bí thư cấp ủy, 04 đồng chí giữ chức phó bí thư, 02 đồng chí giữ chức chủ tịch UBND cấp huyện), 02 đồng chí từ cấp huyện lên cấp tỉnh; qua đó, đã có 05/10 bí thư cấp ủy cấp huyện, 03/10 chủ tịch UBND cấp huyện không là người địa phương, chuẩn bị một bước cho nhân sự đại hội đảng cấp huyện nhiệm kỳ 2020 - 2025

⁵⁴ Trong nhiệm kỳ, cấp ủy, tổ chức đảng các cấp đã kiểm tra 2.309 tổ chức đảng, 2.494 đảng viên, trong đó có 1.405 đảng viên là cấp ủy viên các cấp, tăng 208 tổ chức đảng và 1.268 đảng viên so với nhiệm kỳ 2010 - 2015. Đã tổ chức giám sát 2.019 tổ chức đảng, 2.562 đảng viên, trong đó có 1.968 đảng viên là cấp ủy viên các cấp, qua giám sát đã chuyển kiểm tra dấu hiệu vi phạm 08 đảng viên.

⁵⁵ Trong nhiệm kỳ, UBKT các cấp đã kiểm tra dấu hiệu vi phạm đối với 282 đảng viên, 46 tổ chức đảng, trong đó có 113 cấp ủy viên các cấp, chiếm 40% số đảng viên được kiểm tra, kết luận có 236 đảng viên và 38 tổ chức đảng có vi phạm, phải thi hành kỷ luật 151 đảng viên và 9 tổ chức đảng. Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra đối với 1.056 tổ chức đảng; Kiểm tra việc thi hành kỷ luật đối với 491 tổ chức đảng; Giám sát đối với 1.385 tổ chức đảng và 1.272 đảng viên; Kiểm tra tài chính đối với 60 tổ chức đảng; Kiểm tra việc thu nộp, quản lý và sử dụng đảng phí đối với 1.233 tổ chức đảng và 15.323 đảng viên; Giải quyết tố cáo đối với 4 tổ chức đảng và 60 đảng viên.

⁵⁶ Cấp ủy, UBKT các cấp có thẩm quyền THKL 16 tổ chức đảng và 1.355 đảng viên, tăng 1 tổ chức đảng và 453 đảng viên so với nhiệm kỳ 2010 - 2015, Trong đó: THKL tổ chức đảng: Khiển trách 14, Cảnh cáo 2; THKL đảng viên: Khiển trách 1.101 (có 1 TUV, 10 HUV); Cảnh cáo 168 (có 6 HUV), Cách chức 34 (có 2 HUV), Khai trừ 54 (có 1 HUV).

⁵⁷ Nhiều chỉ tiêu của tỉnh đạt cao hơn mức bình quân chung của cả nước: Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân của tỉnh trong giai đoạn 2016-2020 đạt 7,16% cao hơn mức tăng trưởng bình quân của cả nước (6,5-7%); Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới của tỉnh đến năm 2020 là 56,4%, cao hơn mức bình quân chung của cả nước (50%) và

xếp thứ 36 của cả nước; Số bác sỹ/vận dân của tỉnh Quảng Trị là trên 10 bác sỹ, cao hơn bình quân chung của cả nước (9 bác sỹ); Số giường bệnh/vận dân vào năm 2020 của tỉnh Quảng Trị là trên 30 giường, cao hơn bình quân chung của cả nước (28 giường); Tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2020 của tỉnh đạt 66%, bằng mức bình quân chung của cả nước (65-70%), trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ của tỉnh là 31%, cao hơn mức bình quân chung cả nước; Tỷ lệ đạt chuẩn gia đình văn hóa của tỉnh đến năm 2020 là 95%, cao hơn so với bình quân chung của cả nước là trên 90%; Tỷ lệ độ che phủ rừng của tỉnh Quảng Trị cuối năm 2020 là 50,1% cao hơn nhiều so với bình quân chung của cả nước là 42%; Tỷ lệ dân số sử dụng nước sạch ở thành thị đến năm 2020 của tỉnh Quảng Trị bằng với mức bình quân chung của cả nước là 95%; Tỷ lệ dân số sử dụng nước hợp vệ sinh ở nông thôn đến năm 2020 của tỉnh Quảng Trị là 94,5%, cao hơn so với bình quân chung của cả nước (90%).

⁵⁸ 05 chỉ tiêu có khả năng đạt thấp hơn so với kế hoạch đề ra, đó là: tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) bình quân hàng năm; cơ cấu ngành kinh tế; GRDP bình quân đầu người; tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và tổng vốn đầu tư toàn xã hội. Đây là các chỉ tiêu có mối quan hệ chặt chẽ, ảnh hưởng lẫn nhau và phụ thuộc rất nhiều vào các nhân tố khách quan tác động trực tiếp, gián tiếp đến hoạt động của nền kinh tế

⁵⁹ Trong đó, 500 ha theo quy trình chỉ dẫn địa lý hồ tiêu Quảng Trị, đạt các tiêu chuẩn hữu cơ, an toàn thực phẩm.

⁶⁰ Trong đó, 1.000 ha cà phê hữu cơ, sinh thái, có chứng nhận theo các tiêu chuẩn chất lượng cao (4C, Rain Forest, và các chứng nhận khác).

⁶¹ Trình Chính phủ phê duyệt kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2021 - 2025 tỉnh Quảng Trị; phê duyệt quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2030 cấp huyện.

⁶² Đề án "Tăng cường quản lý, khai thác, sử dụng hồ sơ địa chính trên địa bàn tỉnh Quảng Trị"; Đề án "Tăng cường quản lý đối với đất đai có nguồn gốc từ các nông lâm trường Quốc doanh"; Đề án "Hoàn chỉnh việc đo đạc lập hồ sơ địa chính cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất"; Dự án "Tăng cường công tác quản lý đất đai và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai" (VILG); Triển khai đo đạc địa hình quốc gia các thị trấn trên địa bàn tỉnh tỉ lệ 1/2000 đến 1/5000,...

**GỢI Ý MỘT SỐ NỘI DUNG CẦN TẬP TRUNG
THẢO LUẬN, GÓP Ý VÀO DỰ THẢO BÁO CÁO CHÍNH TRỊ
TRÌNH ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XVII**

A. VỀ KẾT CẤU, BỐ CỤC VÀ CHỦ ĐỀ CỦA BÁO CÁO CHÍNH TRỊ

Đề nghị cho ý kiến về sự phù hợp và đầy đủ của báo cáo chính trị, những nội dung cần điều chỉnh và nêu lý do.

B. VỀ NỘI DUNG

1. Về tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2015 - 2020

Đề nghị cho ý kiến về:

- Kết quả 05 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, nhất là những nhận định trên các lĩnh vực về kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh; xây dựng bộ máy chính quyền và công tác xây dựng Đảng của Đảng bộ đã đạt được những kết quả quan trọng và toàn diện trên tất cả các lĩnh vực; cơ bản đạt mục tiêu của nhiệm kỳ “*đưa Quảng Trị đạt trình độ phát triển trung bình của cả nước*”.

- Những hạn chế, khuyết điểm, nguyên nhân và 05 bài học kinh nghiệm.

2. Về phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển giai đoạn 2020 - 2025

2.1. Về phương hướng, mục tiêu

Đề nghị cho ý kiến về:

- Dự báo tình hình trong 05 năm tới;

- 05 quan điểm phát triển;

- Phương hướng và mục tiêu chung là: Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các cấp ủy đảng; xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; xây dựng chính quyền năng động, sáng tạo, hiệu quả và liêm chính, phục vụ Nhân dân. Phát huy ý chí, khát vọng vươn lên và sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân; khơi dậy mọi tiềm năng và nguồn lực xã hội, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ để thúc đẩy phát triển nhanh và bền vững. Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh; tạo điều kiện cho kinh tế tư nhân phát triển, trở thành động lực tăng trưởng của nền kinh tế. Tiếp tục thực hiện đồng bộ, hiệu quả 3 khâu đột phá chiến lược. Biến những bất lợi, khó khăn thành tiềm năng, lợi thế của tỉnh nhằm đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn; đẩy

manh tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Xây dựng và phát triển mạnh các mô hình kinh tế có hiệu quả cao, các sản phẩm mang thương hiệu đặc sắc của tỉnh. Nâng cao hiệu quả quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Tăng cường hoạt động kinh tế đối ngoại và hội nhập quốc tế. Phát triển các lĩnh vực văn hóa xã hội; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân, thực hiện tốt các chính sách xã hội. Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Phấn đấu đưa Quảng Trị trở thành tỉnh có trình độ phát triển thuộc nhóm trung bình cao của cả nước vào năm 2025; nằm trong nhóm 30 tỉnh thuộc tốp đầu của cả nước vào năm 2030.

- Một số chỉ tiêu chủ yếu về kinh tế - xã hội - môi trường và cải cách hành chính; về xây dựng đảng;

2.2. Các chương trình, dự án trọng điểm, các ngành, lĩnh vực đột phá

Đề nghị cho ý kiến về các chương trình, dự án trọng điểm, các ngành, lĩnh vực đột phá cần tập trung chỉ đạo trong nhiệm kỳ 2020 – 2025; những nội dung cần bổ sung, điều chỉnh.

2.3. Về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu:

Đề nghị cho ý kiến:

- Nhiệm vụ, giải pháp về đẩy mạnh tái cơ cấu các ngành kinh tế, gắn với thị trường tiêu thụ sản phẩm; thực hiện tốt định hướng phát triển vùng, miền, trong đó tập trung: (1) *Đẩy mạnh tái cơ cấu nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới. Phấn đấu giá trị tăng thêm khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản bình quân hàng năm tăng 2,5 - 3%; (2) Phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế. Phấn đấu giá trị tăng thêm khu vực công nghiệp - xây dựng bình quân hàng năm tăng 11 - 11,5%; (3) Nâng cao chất lượng và hiệu quả các loại hình dịch vụ, phát triển mạnh dịch vụ du lịch. Phấn đấu giá trị tăng thêm khu vực dịch vụ bình quân hàng năm tăng 7 - 7,5%; (4) Thực hiện đầy đủ, kịp thời các giải pháp điều hành của Chính phủ về ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát.*

- Nhiệm vụ, giải pháp về đẩy mạnh cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, trong đó tập trung các nội dung: (1) *Sắp xếp, đổi mới nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế; (2) Ưu tiên xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng, từng bước đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội; (3) Thực hiện đồng bộ các giải pháp huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư.*

- Nhiệm vụ và giải pháp về tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo,

chú trọng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ, trong đó tập trung các nội dung: (1) Tiếp tục đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục; (2) Chú trọng phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; (3) Đẩy mạnh phát triển và ứng dụng khoa học - công nghệ.

- Nhiệm vụ và giải pháp về thực hiện hiệu quả các lĩnh vực văn hóa - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân; phát triển hài hòa giữa thành thị với nông thôn, trong đó tập trung các nội dung: (1) Chăm lo phát triển sự nghiệp văn hoá, thông tin - truyền thông, thể dục - thể thao và xây dựng con người; (2) Phát triển mạng lưới y tế đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe của Nhân dân, nâng cao chất lượng dân số của tỉnh; (3) Tập trung thực hiện có hiệu quả công tác giải quyết việc làm, giảm nghèo và bảo đảm an sinh xã hội; (4) Phát triển hài hòa giữa thành thị và nông thôn;

- Nhiệm vụ và giải pháp về quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên gắn với bảo vệ môi trường, chủ động thích nghi và ứng phó với biến đổi khí hậu

- Nhiệm vụ và giải pháp về xây dựng chính quyền tinh gọn, năng động, sáng tạo, liêm chính; vận hành thông suốt, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

- Nhiệm vụ và giải pháp về nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và kinh tế đối ngoại.

- Nhiệm vụ và giải pháp về tăng cường tiềm lực quốc phòng - an ninh, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

- Nhiệm vụ và giải pháp về phát huy dân chủ, sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân thông qua vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội

- Nhiệm vụ và giải pháp về tăng cường xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh toàn diện, trong đó tập trung các nội dung: (1) Nâng cao hiệu quả công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức; (2) Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; (3) Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên; (4) Đẩy mạnh xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt, người đứng đầu; làm tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ; (5) Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng; (6) Tăng cường công tác nội chính, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; (7) Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác dân vận, tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân; (8) Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong Đảng.

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU ĐÃ ĐỀ RA TRONG NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XVI

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Mục tiêu đến năm 2020	Kết quả thực hiện						Đánh giá (Đạt/Chưa đạt)
					Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Dự báo năm 2020	Ước nhiệm kỳ 2016-2020	
1	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP)	%		7,5-8	6.39	7.06	7.24	7.91	7.22	7.16	Chưa đạt
	<i>Nông - lâm - thủy sản</i>	%		3,5-4	1.02	3.47	5.20	5.10	4.37	3.82	Đạt
	<i>Công nghiệp và xây dựng</i>	%		10,5-11	9.56	10.70	9.83	13.89	13.18	11.42	Đạt
	<i>Dịch vụ</i>	%		8,5-9	8.21	6.95	7.19	6.35	5.88	6.91	Chưa đạt
2	GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng	34.9	Gấp 2 lần năm 2015	37.5	41.0	45.5	50.0	55.4	Gấp 1,6 lần năm 2015	Chưa đạt
3	Cơ cấu kinh tế										
	<i>Nông, lâm nghiệp và thủy sản</i>	%	25.53	18.5	24.24	22.22	21.70	21.11	21.51		Chưa đạt
	<i>Phi nông lâm nghiệp và thủy sản</i>	%	74.47	81.5	75.76	77.78	78.30	78.89	78.49		Chưa đạt
4	Tổng thu ngân sách trên địa bàn	Tỷ đồng	2,331	18000-19000	2,226	2,502	2,727	3,250	3,400	14,105	Chưa đạt
	<i>Tốc độ tăng thu nội địa</i>	%		>15%/năm	23.38	13.95	8.73	15.88	6.96	13.63	Chưa đạt
5	Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội	Tỷ đồng	9,478	100000	10,513	11,489	13,271	16,870	21,280	73,423	Chưa đạt
	<i>Ngân sách nhà nước</i>	Tỷ đồng	2,899	20,624	3,327	3,647	4,262	4,713	5,700	21,649	Vượt
	<i>Ngoài nhà nước</i>	Tỷ đồng	6,480	68,412	7,088	7,703	8,809	11,867	15,080	50,547	Chưa đạt
	<i>Vốn đầu tư nước ngoài</i>	Tỷ đồng	100	10,963	97	139	201	290	500	1,227	Chưa đạt
6	Kim ngạch xuất nhập khẩu	Triệu USD	380,24	450-500	258.89	288.63	415.48	610.89	470	460	Đạt
7	Sản lượng lương thực có hạt	Vạn tấn	25	24,5-25	27.6	25.7	28.9	28.6	29		Vượt
8	Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân hàng năm	%	15.43	Giảm 1.5-2% /năm	1.94	1.97	1.84	1.6	1.5	1.77	Đạt

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Mục tiêu đến năm 2020	Kết quả thực hiện						Đánh giá (Đạt/Chưa đạt)
					Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Dự báo năm 2020	Ước nhiệm kỳ 2016-2020	
9	Tạo việc làm mới (5 năm)	Lao động	11,297	47.500 lao động	10,600	11,782	11,318	14,012	14,000	61,712	Vượt
	<i>Trong đó: tại địa phương</i>	<i>Lao động</i>	<i>6,908</i>	<i>35.000 lao động</i>	<i>6,312</i>	<i>6,604</i>	<i>6,200</i>	<i>7,900</i>	<i>8,000</i>	<i>35,016</i>	<i>Vượt</i>
10	Tỷ lệ thất nghiệp thành thị	%	3.7	2.7	3.60	3.45	3.39	3.00	2.7		Đạt
11	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	43.50	65-70	46.13	49.57	54.43	60.27	66.00		Đạt
	<i>Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ</i>	%	<i>26.20</i>	<i>>28</i>	<i>27.05</i>	<i>28.00</i>	<i>29.10</i>	<i>30.00</i>	<i>31.00</i>		<i>Đạt</i>
12	Tỷ lệ diện tích che phủ rừng	%	49.5	49.5	49.6	50.1	50.1	50.1	50.1		Đạt
13	Diện tích cây công nghiệp dài ngày	Ha	26,794	28.800-30.200	27,791	27,188	26,748	26,808	26,868		Chưa đạt
14	Tỷ trọng chăn nuôi trong nông nghiệp	%	32.24	35.00	33.48	25.90	27.69	29.73	29.21		Chưa đạt
15	Tổng sản lượng thủy sản	Tấn	33,896	38,000	23,795	30,780	32,216	35,986	38,000		Đạt
16	Trồng mới rừng tập trung (5 năm)	Ha	7,125	25.000-27.500	8,453	8,957	8,911	9,125	9,000	44,445	Vượt
17	Tỷ lệ xã đạt chuẩn Nông thôn mới	%	15.38	40-50	26.5	35.9	44.4	48.5	54,4-56,4		Vượt
18	Một số chỉ tiêu về giáo dục đào tạo										
	<i>Tỷ lệ trường lớp học được kiên cố hóa</i>	%	<i>100</i>		<i>100</i>	<i>100</i>	<i>100</i>	<i>100</i>	<i>100</i>		<i>Đạt</i>
	<i>Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn</i>	%	<i>99,71</i>		<i>99,81</i>	<i>99,91</i>	<i>99,98</i>	<i>99,99</i>	<i>88.2</i>		<i>Chưa đạt</i>
19	Các chỉ tiêu về y tế										
	<i>Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế</i>	%	<i>77.41</i>	<i>80</i>	<i>86.84</i>	<i>92.35</i>	<i>92.81</i>	<i>93.8</i>	<i>95.5</i>		<i>Vượt</i>
	<i>Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng</i>	%	<i>15.0</i>	<i>12</i>	<i>14.5</i>	<i>14.3</i>	<i>13.8</i>	<i>13.5</i>	<i>12</i>		<i>Đạt</i>
	<i>Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế</i>	%	<i>78.72</i>	<i>95</i>	<i>92.0</i>	<i>95.7</i>	<i>97.8</i>	<i>98.6</i>	<i>100</i>		<i>Vượt</i>

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Mục tiêu đến năm 2020	Kết quả thực hiện						Đánh giá (Đạt/Chưa đạt)
					Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Dự báo năm 2020	Ước nhiệm kỳ 2016-2020	
20	Tỷ lệ đơn vị đạt chuẩn văn hóa	%	93.0	96.0	92.4	95.0	95.7	96.4	96.0		Đạt
21	Tỷ lệ gia đình đạt chuẩn văn hóa	%	89.0	90.0	89.9	90.5	90.9	92.1	92.2		Vượt
22	Tỷ lệ dân số thành thị sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh	%	86.0	95.0	88.0	90.5	92.0	95.0	95.0		Đạt
23	Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh	%	87,4	93.0	90,0	91.5	93.4	94.7	94.5		Vượt
24	Số tổ chức cơ sở đảng HTTNV và TSVM	%		85-90							
25	Kết nạp đảng viên	Đảng viên		7.000-7.500							